

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trong những năm qua, đời sống người dân được nâng cao, hoạt động dân sự sôi động, các quan hệ kinh tế-quốc tế phát triển mạnh mẽ, thương mại ngày một sôi động nên điều không tránh khỏi là các tranh chấp phát sinh ngày một nhiều. Hàng năm, ngành Tòa án đã thụ lý giải quyết một khối lượng hàng trăm ngàn vụ án, liên quan lĩnh vực dân sự, kinh tế, lao động, hôn nhân-gia đình.

Trong số các vụ án được Tòa án nhân dân các cấp thụ lý, giải quyết đó có không ít vụ án có nội dung đơn giản, chứng cứ rõ ràng, bị đơn không phản đối yêu cầu của nguyên đơn, hoặc các tranh chấp về tài sản có giá ngạch thấp. Những vụ việc này trước đây vẫn tiến hành giải quyết theo một trình tự, thủ tục tố tụng bài bản, mất khá nhiều thời gian. Hệ quả là việc giải quyết vụ kiện thường bị kéo dài, hoặc phải trải qua nhiều thủ tục và nhiều cấp xét xử, không những gây mất thời gian mà còn gây mất tốn phí cho các đương sự và Nhà nước. Thực tế, Tòa án không thể giải quyết nhanh, bởi thẩm phán phải tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật, mặc dù các thủ tục đó có thể cắt giảm.

Ví dụ: Vụ án Phạm Văn Quang, kiện Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam¹ (VCB) ra Tòa án nhân dân (TAND) Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Yêu cầu bị đơn trả lại số tiền rất nhỏ là 5.500 đồng phí ATM. Theo nội dung vụ kiện thì ngày 03/4/2013, nguyên đơn đến trụ ATM của VCB, đặt ở Quang Trung (Gò Vấp) để rút 15 triệu đồng. Những lần trước nguyên đơn chỉ cần giao dịch ba lần (mỗi lần rút được 05 triệu đồng), và chỉ mất phí rút tiền là 3.300 đồng (bao gồm 10% VAT). Tuy nhiên, thời điểm này trụ ATM chỉ còn tiền mệnh giá 50.000 đồng nên nguyên đơn phải rút đến tám lần, mỗi lần rút 1.750.000 đồng, và phải chịu phí rút tiền là 8.800 đồng. Như vậy, so với mọi lần, nguyên đơn phải mất thêm 5.500 đồng. Vì cho rằng đây là hành vi lừa dối khách hàng để thu lợi thêm, nên nguyên đơn làm đơn khởi kiện. Sau gần một năm thụ lý, ngày 23/01/2014 Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, đã đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm, bác yêu cầu của nguyên đơn đòi bị đơn trả lại 5.500 đồng phí ATM. Chính vì thủ tục rút gọn chưa được áp dụng nên những vụ

¹ Theo Bản án số: 04/2014/DS-ST ngày: 23-01-2014 của TAND quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

án đơn giản, giá trị tranh chấp chỉ 5.500 đồng, mà gần một năm sau vụ việc mới được giải quyết, gây ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn cũng như uy tín của ngân hàng. Với tình trạng án gia tăng và tồn đọng nhiều như hiện nay, ngành Tòa án đã phải chịu một áp lực không nhỏ từ công việc. Để khắc phục tình trạng này, việc áp dụng thủ tục tố tụng dân sự (TTDS) rút gọn để giải quyết nhanh chóng, đúng pháp luật những vụ án có nội dung đơn giản, rõ ràng, có giá ngạch thấp như trên là điều rất cần thiết và hợp lý.

Nhận thấy được thực trạng này, trong Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (được Quốc hội khoá 13 ban thông qua ngày 25/11/2015 và có hiệu lực từ ngày 01/7/2016, trừ một số quy định liên quan đến Bộ luật Dân sự (BLDS) năm 2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017), đã dành hai chương quy định về thủ tục rút gọn (viết tắt là TTRG), để giải quyết một số vụ án khi có các điều kiện nhất định, mà trước đó BLTTDS 2004 (được sửa đổi, bổ sung năm 2011) chưa có quy định về thủ tục này. Như vậy, bên cạnh thủ tục tố tụng thông thường, việc xét xử còn có thể được tiến hành theo TTRG đối với một số vụ án. Việc đưa những quy định về TTRG vào BLTTDS 2015, là phù hợp với xu hướng chung của thế giới, trong việc rút ngắn thời gian giải quyết các tranh chấp dân sự (TTDS), bảo vệ kịp thời các lợi ích chính đáng của đương sự, từ đó giúp phát triển giao thương kinh tế, và duy trì ổn định trật tự xã hội.

Một trong những địa phương mà ngành Tòa án có thực tiễn phong phú, trong giải quyết án dân sự theo thủ tục thông thường nói chung, và theo TTRG nói riêng thu hút được sự quan tâm nghiên cứu, và học hỏi hiện nay là Thành phố Hồ Chí Minh. Bởi địa phương này không chỉ là thành phố phát triển nhất, mà còn là trung tâm kinh tế, văn hóa, giáo dục, khoa học... và có số dân lớn nhất Việt Nam (năm 2019, dân số thành phố là 8.993.082 người, nếu tính cả số tạm trú thì gần 14 triệu người). Với những số liệu trên cho thấy, số lượng vụ việc tranh chấp trong các quan hệ dân sự xảy ra tại Thành phố Hồ Chí Minh là rất lớn. Việc khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết là phổ biến. Điều này đồng nghĩa với số hồ sơ vụ án, và áp lực công việc mà ngành Tòa án tại đây phải giải quyết cũng sẽ rất cao. Để có thể giải quyết nhanh chóng, nhưng vẫn đảm bảo đúng pháp luật những vụ án dân sự mà có tình tiết đơn

giản, thì ngành Tòa án tại Thành phố Hồ Chí Minh, cần phải tăng cường áp dụng thủ tục rút gọn tố tụng dân sự ở Tòa án cấp sơ thẩm.

Tuy nhiên, do đây là một quy định mới, nên quá trình áp dụng thủ tục rút gọn đã nảy sinh những vướng mắc, cần có hướng dẫn cụ thể. Và cũng giống như TTRG trong tố tụng hình sự, các thẩm phán vẫn chưa mặn mà lắm với việc áp dụng thủ tục này trong việc giải quyết các vụ án dân sự. Do đó đề tài “*Áp dụng thủ tục rút gọn trong xét xử vụ án dân sự sơ thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh-Thực tiễn và giải pháp hoàn thiện*” là cần và cấp thiết trong bối cảnh trên.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Hiện nay có khá nhiều công trình, bài viết ở nước ngoài nghiên cứu về TTRG trong tố tụng dân sự. Nghiên cứu những vấn đề chung của TTRG như: tính hiệu quả của TTRG; và các tiêu chí xác định một vụ án được giải quyết theo TTRG; trình tự, thủ tục và thời hạn giải quyết vụ án theo TTRG. Điển hình là bài viết “Consumer Dispute Resolution and Redress in the Global Marketplace”² (Giải quyết tranh chấp của người tiêu dùng và chế tài trong thị trường toàn cầu), trong đó tác giả Edward Brunet cho rằng, Tòa án giải quyết các yêu cầu khởi kiện có giá ngạch thấp bằng thủ tục đơn giản, có giá trị ràng buộc thi hành vẫn sẽ bảo đảm được công lý, và yêu cầu của nền tư pháp mà không tốn chi phí cao, và không mất thời gian như các thủ tục thông thường hiện đang áp dụng một cách khá phức tạp.

Tại Việt Nam, TTRG trong tố tụng dân sự đã được một số nhà nghiên cứu quan tâm ở các cấp độ khác nhau, thể hiện tại một số công trình theo các nhóm vấn đề khác nhau. Ví dụ: đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ “Vấn đề xây dựng thủ tục tố tụng dân sự rút gọn theo yêu cầu cải cách tư pháp và hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay - Thực trạng và giải pháp”, do TS. Trần Anh Tuấn làm chủ nhiệm đề tài thực hiện năm 2014³, được coi là một công trình khá công phu về lý luận và thực tiễn, làm rõ yêu cầu và cơ sở khoa học của việc xây dựng TTRG, và đề xuất các giải pháp xây dựng thủ tục này

² Edward Brunet, Organisation for Economic Co-operation and Development (2006), Consumer Dispute Resolution and Redress in the Global Marketplace 24.

[<http://www.oecd.org/internet/consumer/36456184.pdf>].

³ Trần Anh Tuấn (chủ nhiệm đề tài) (2014), “Vấn đề xây dựng thủ tục tố tụng dân sự rút gọn theo yêu cầu cải cách tư pháp và hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay - Thực trạng và giải pháp”, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ, Hà Nội.

ở Việt Nam. Đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ “Pháp luật về thủ tục rút gọn trong tố tụng dân sự - Những vấn đề lý luận và thực tiễn”, do TS.Nguyễn Trí Tuệ làm chủ nhiệm thực hiện năm 2012 và năm 2013.

Ngoài ra, có một số đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở cũng đề cập đến việc cần thiết phải xây dựng TTRG tại Việt Nam, như: đề tài “Hoàn thiện pháp luật Việt Nam về thủ tục giải quyết vụ việc dân sự theo định hướng cải cách tư pháp”⁴, do TS. Trần Anh Tuấn làm chủ nhiệm đề tài năm 2010; và đề tài “Giải quyết tranh chấp giữa người tiêu dùng với tổ chức cá nhân kinh doanh bằng thủ tục rút gọn trong tố tụng dân sự”⁵, do Thạc sỹ Đặng Thanh Hoa làm chủ nhiệm đề tài năm 2013.

3. Mục tiêu nghiên cứu

Nghiên cứu của đề tài này nhằm đạt được những mục đích sau đây:

Một là, làm sáng tỏ cơ sở lý luận về TTRG trong TTDS;

Hai là, phân tích thực trạng pháp luật, và thực tiễn giải quyết vụ án dân sự theo TTGR, ở các Tòa án sơ thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Ba là, làm rõ các yêu cầu, và đưa ra các đề xuất xây dựng TTRG giải quyết vụ án dân sự, ở các Tòa án sơ thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu đề tài

Đối tượng nghiên cứu là những quy định của BLTTDS 2015, về điều kiện áp dụng TTRG khi giải quyết vụ án dân sự ở cấp sơ thẩm, cụ thể tại Điều 317, và Điều 319 BLTTDS 2015, và thực trạng xét xử tại các Tòa án sơ thẩm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Phạm vi nghiên cứu: Về nội dung, sẽ tập trung nghiên cứu những vấn đề lý luận, về các điều kiện áp dụng TTRG trong quá trình giải quyết vụ án dân sự tại tòa án cấp sơ thẩm, đồng thời phân tích những bất cập, hạn chế của các quy định này trong BLTTDS 2015, những khó khăn của tòa án khi muốn áp dụng TTRG. Từ đó đưa ra

⁴ Trần Anh Tuấn (chủ nhiệm đề tài) (2010), “Hoàn thiện pháp luật Việt Nam về thủ tục giải quyết vụ việc dân sự theo định hướng cải cách tư pháp”, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở, Trường Đại học Luật Hà Nội.

⁵ Đặng Thanh Hoa (chủ nhiệm đề tài) (2013), “Giải quyết tranh chấp giữa người tiêu dùng với tổ chức cá nhân kinh doanh bằng thủ tục rút gọn trong tố tụng dân sự”, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở, Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh.

cái nhìn bao quát, và đề xuất những giải pháp nhằm nâng cao, và góp phần hoàn thiện BLTTDS.

Ngoài ra, phạm vi nghiên cứu của khóa luận cũng chỉ giới hạn ở TTRG giải quyết vụ án dân sự (tương ứng với tranh chấp), mà không bao gồm giải quyết việc dân sự (tương ứng với yêu cầu). Cuối cùng, TTRG trong phạm vi nghiên cứu của khóa luận, cũng chỉ giới hạn đối với tranh chấp dân sự được giải quyết tại Tòa án, chứ không bao gồm các cơ chế ngoài Tòa án như: tại các tổ chức trọng tài thương mại, hòa giải thương mại, hoặc các tổ chức cơ chế giải quyết tranh chấp khác.

Về không gian, dựa trên phạm vi các quy định của BLTTDS Việt Nam hiện hành, được áp dụng tại các Tòa án sơ thẩm quận huyện ở Thành phố Hồ Chí Minh.

Về thời gian, chỉ giới hạn đặc biệt là trên cơ sở các quy định của BLTTDS 2015. Để đảm bảo tính hiệu lực cũng như khả năng áp dụng vào thực tế, tác giả đưa ra những phân tích, đánh giá trên cơ sở của BLTTDS 2015, kể từ thời điểm được thông qua.

5. Phương pháp tiến hành nghiên cứu

Trong quá trình nghiên cứu, sử dụng phương pháp phân tích đánh giá các quy định của BLTTDS 2015 về điều kiện áp dụng TTRG, từ đó hiểu được ý nghĩa, và làm rõ được những điểm tích cực, và tiêu cực còn tồn tại. Bên cạnh đó, còn kết hợp phương pháp phân tích số liệu, đánh giá thực trạng để có cái nhìn tổng quan, về thực tiễn áp dụng TTGR trong hệ thống các quy định của pháp luật Việt Nam hiện nay, tại Tòa án sơ thẩm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Bằng phương pháp so sánh, đối chiếu với luật tố tụng dân sự của một số nước, để làm rõ thực trạng áp dụng ở nước ta, và tránh những hạn chế không đáng có. Kết hợp phương pháp phân tích, thống kê cùng nghiên cứu lý luận với thực tiễn, nhằm tổng kết các kết quả nghiên cứu đã đạt được từ đó, làm rõ thực tiễn thi hành BLTTDS 2015. Đề tài nghiên cứu cũng đưa ra một số kết luận, đề xuất góp phần hoàn thiện các quy định, nhằm phát huy được tính phổ biến, và tính ưu việt của TTRG trong quá trình giải quyết vụ án dân sự tại các Tòa án cấp sơ thẩm.

6. Bố cục tổng quát của khóa luận

Bố cục 3 phần: Phần mở đầu, phần nội dung và phần kết luận.

Phần mở đầu bao gồm: Lý do chọn đề tài, tình hình nghiên cứu đề tài, mục tiêu nghiên cứu, đối tượng và phạm vi nghiên cứu đề tài và phương pháp tiến hành nghiên cứu.

Phần nội dung sẽ có 2 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về thủ tục rút gọn trong tố tụng dân sự.

Chương 2: Thực tiễn áp dụng thủ tục rút gọn để giải quyết vụ án dân sự ở các Tòa án sơ thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh và Đề xuất kiến nghị.

Phần kết luận: Nhận xét, đánh giá tổng quan các vấn đề đã nêu ở những phần trên.

PHẦN NỘI DUNG

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ THỦ TỤC RÚT GỌN TRONG TỐ TỤNG DÂN SỰ

1. Quy định của BLTTDS 2015 về điều kiện áp dụng thủ tục rút gọn

Thủ tục rút gọn hay các thuật ngữ tương tự như, thủ tục đơn giản hay thủ tục giản lược... được sử dụng khi bàn về giải quyết một số loại tranh chấp đơn giản.

Khoản 1 Điều 316 BLTTDS 2015 quy định: “*thủ tục rút gọn là thủ tục tố tụng được áp dụng để giải quyết vụ án dân sự có đủ điều kiện theo quy định của Bộ luật này với trình tự đơn giản so với thủ tục giải quyết các vụ án dân sự thông thường nhằm giải quyết vụ án nhanh chóng nhưng vẫn bảo đảm đúng pháp luật và chất lượng xét xử*”.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 317 của BLTTDS 2015, Tòa án giải quyết vụ án dân sự theo thủ tục rút gọn khi có đủ các điều kiện sau đây:

“Vụ án có tình tiết đơn giản, quan hệ pháp luật rõ ràng, đương sự đã thừa nhận nghĩa vụ; tài liệu, chứng cứ đầy đủ, bảo đảm đủ căn cứ để giải quyết vụ án và Tòa án không phải thu thập tài liệu, chứng cứ;

Các đương sự đều có địa chỉ nơi cư trú, trụ sở rõ ràng;

Không có đương sự cư trú ở nước ngoài, tài sản tranh chấp ở nước ngoài, trừ trường hợp đương sự ở nước ngoài và đương sự ở Việt Nam có thỏa thuận đề nghị Tòa án giải quyết theo thủ tục rút gọn hoặc các đương sự đã xuất trình được chứng cứ về quyền sở hữu hợp pháp tài sản và có thỏa thuận thống nhất về việc xử lý tài sản”.

Như vậy, vụ án dân sự phải có đầy đủ tất cả các điều kiện nêu trên, thì Tòa án mới áp dụng thủ tục rút gọn để giải quyết.

Đồng thời, để bảo vệ quyền lợi cho người lao động trong các tranh chấp lao động, khoản 2 Điều 317 BLTTDS 2015 quy định mở rộng đối với vụ án lao động đã được thụ lý, giải quyết theo thủ tục rút gọn mà người sử dụng lao động có quốc tịch nước ngoài, hoặc người đại diện theo pháp luật của họ đã rời khỏi địa chỉ nơi cư trú, nơi có

trụ sở mà không thông báo cho đương sự khác, không thông báo cho Tòa án thì bị coi là trường hợp cố tình giấu địa chỉ, thì Tòa án vẫn giải quyết vụ án đó theo thủ tục rút gọn.

1.1. Phạm vi áp dụng thủ tục rút gọn.

Phạm vi áp dụng thủ tục tố tụng rút gọn là giới hạn luật định áp dụng thủ tục rút gọn để giải quyết tranh chấp dân sự. Theo quy định tại Điều 316 BLTTDS 2015 “*Giải quyết vụ án dân sự theo thủ tục rút gọn*”, được áp dụng để giải quyết vụ án theo thủ tục rút gọn. Trong trường hợp không quy định, thì áp dụng các quy định khác của BLTTDS để giải quyết vụ án. Nếu luật khác có quy định tranh chấp dân sự được giải quyết theo thủ tục rút gọn, thì việc giải quyết tranh chấp đó cũng được thực hiện theo các quy định về thủ tục rút gọn của BLTTDS. Như vậy, thủ tục rút gọn sẽ được áp dụng khi trong BLTTDS 2015 hoặc luật khác có quy định.

1.2. Đặc điểm của thủ tục rút gọn.

Từ khái niệm về thủ tục rút gọn, nhận thấy thủ tục rút gọn có các đặc điểm sau đây:

Thứ nhất: Thủ tục rút gọn chỉ áp dụng đối với một số vụ án nhất định. Giải quyết những vụ án dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh thương mại, lao động khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của pháp luật. Thông thường điều kiện này là: tranh chấp có chứng cứ rõ ràng, nội dung tranh chấp đơn giản, tài sản tranh chấp có giá trị không lớn, các bên thừa nhận nghĩa vụ với nhau. Bởi lẽ, đối với những tranh chấp phức tạp, chứng cứ không rõ ràng hoặc không có sự thừa nhận nghĩa vụ từ đương sự... không thể giải quyết một cách đơn giản và rút gọn được, mà cần phải cung cấp, thu thập, tổng hợp, nghiên cứu và đánh giá chứng cứ để làm sáng tỏ sự thật khách quan của vụ án, cũng như cần phải tiến hành các hoạt động hòa giải, và việc giải quyết cần thông qua một tập thể để bảo đảm phán quyết được đưa ra đúng đắn.

Thứ hai: Thủ tục tố tụng dân sự rút gọn được giản lược một số qui trình, và thời gian giải quyết vụ án cũng sẽ ngắn hơn so với thủ tục tố tụng dân sự thông thường, nhưng vẫn đảm bảo việc giải quyết vụ án đúng pháp luật. Thời hạn để giải quyết vụ án dân sự theo thủ tục rút gọn là không quá một tháng, được rút ngắn rất nhiều so với thủ tục thông thường. Thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án dân sự, hôn nhân và gia đình

theo thủ tục thông thường là 04 tháng, và 02 tháng đối với vụ án kinh doanh thương mại, lao động, chưa kể các trường hợp gia hạn.

Ở Trung Quốc thời hạn giải quyết tranh chấp theo TTRG là không quá ba tháng. Hàn Quốc là hai tháng rưỡi so với thủ tục thông thường là sáu tháng. Thời gian trung bình giải quyết xong một vụ kiện có giá ngạch nhỏ ở Anh là ba mươi một tuần. Đặc biệt có một số nước khi áp dụng TTRG giải quyết đối với việc ra lệnh thanh toán, thủ tục này được rút ngắn có khi chỉ vài tuần kể từ thời điểm thụ lý yêu cầu như tại các nước Nga, Đức, Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc... Thời gian giải quyết vụ việc nhỏ tại Hoa Kỳ là trong vòng hai đến ba tháng kể từ ngày nguyên đơn nộp đơn kiện (ví dụ: đối với bang California, từ năm 2004 đến năm 2013, 70-80 % các vụ kiện nhỏ được giải quyết xong trong vòng 90 ngày).

Thứ ba: Rút gọn về thành phần tham gia giải quyết tranh chấp. Việc giải quyết vụ án dân sự theo thủ tục rút gọn, do một thẩm phán tiến hành từ khi thụ lý cho đến khi xét xử sơ thẩm. Do tính chất đơn giản, rõ ràng của vụ án dân sự nên khi giải quyết, thẩm phán chỉ cần thẩm định lại sự việc, tài liệu chứng cứ và áp dụng các quy định của pháp luật để ra bản án. Vì vậy, việc giải quyết vụ án dân sự theo thủ tục rút gọn không cần thiết phải do một hội đồng xét xử tiến hành.

Về sự tham gia của Viện kiểm sát, dường như đại đa số các nước trên thế giới đều quy định cơ quan công tố không có vai trò trong việc giải quyết các vụ án dân sự. Ở Việt Nam do pháp luật còn chịu ảnh hưởng nhất định của hệ thống pháp luật xã hội chủ nghĩa trước đây, vai trò của Viện kiểm sát còn mở rộng trong việc giám sát hoạt động xét xử của Tòa án và do đó, Viện kiểm sát có vai trò, chức năng với các mức độ khác nhau và tùy vào từng thời điểm lịch sử cụ thể, trong quá trình giải quyết vụ án dân sự.

Về sự tham gia của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự (luật sư) trong quá trình giải quyết tranh chấp theo TTRG, về cơ bản quan điểm của phần lớn các nước cho rằng đây là quyền của đương sự nhờ người khác bảo vệ quyền lợi của mình, nên pháp luật không can thiệp miễn là sự tham gia của họ không làm trì hoãn, hoặc cản trở đến việc áp dụng TTRG. Tuy nhiên, cũng có nước quy định cụ thể về việc hạn chế sự tham gia của luật sư trong những vụ án áp dụng TTRG, nhằm mục

dịch giảm chi phí cho đương sự, và cũng để hạn chế việc xét xử vụ án bị kéo dài khi có sự tham gia của luật sư (như đối với Philippin, luật sư không được chấp nhận tại phiên xét xử nhưng không cấm luật sư giúp đỡ và hỗ trợ đương sự thực hiện các công việc chuẩn bị cho phiên xét xử, hoặc cho các vấn đề khác ngoài phiên xét xử...). Ngay ở Hoa Kỳ, nơi có thể coi là có số lượng luật sư nhiều nhất trên thế giới tính theo bình quân đầu người, pháp luật tố tụng cũng không quy định cần phải có luật sư tham gia trong các vụ án được giải quyết theo TTRG.⁶

Thứ tư: Rút gọn về trình tự và các bước tố tụng. Một trong những nội dung cơ bản của TTRG là giảm thiểu một hoặc một số trình tự, thủ tục và giai đoạn tố tụng, phụ thuộc vào bản chất của tranh chấp được xét xử theo TTRG. Cụ thể:

Đối với vụ án đương sự thừa nhận toàn bộ nghĩa vụ, các trình tự lấy lời khai, hòa giải là không cần thiết và có thể được bỏ qua;

Đối với vụ án đơn giản, và chứng cứ rõ ràng, các trình tự lấy lời khai, thu thập, xác minh chứng cứ là không cần thiết, và có thể được bỏ qua toàn bộ hoặc một phần.

Thứ năm: Việc áp dụng thủ tục rút gọn sẽ không phải tuân thủ tất cả các bước quy định trong BLTTDS 2015. Ví dụ, không cần thiết phải có phần tranh luận riêng, mà kết hợp vào quá trình xét xử theo quy định của Điều 24 BLTTDS 2015. Vì các bên đã thừa nhận nghĩa vụ, hoặc đã thống nhất về các vấn đề phải giải quyết trong vụ án, hay các đương sự đã cung cấp đầy đủ các tài liệu chứng cứ, và Tòa án không cần phải tiến hành thu thập thêm, thì sẽ không có sự tham gia của Viện kiểm sát trong phiên tòa sơ thẩm. Do đó, sẽ không phải tuân theo nguyên tắc Kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự tại Điều 21.

1.3. Điều kiện áp dụng thủ tục rút gọn.

Để có thể áp dụng thủ tục rút gọn, thì phải tuân theo các điều kiện cần và đủ mà BLTTDS 2015 đã quy định. Điều 317 BLTTDS 2015, đã xác định phạm vi loại vụ án có thể áp dụng thủ tục rút gọn.

⁶ “New York City Small Claims Courts”, <http://www.nycourts.gov/COURTS/nyc/smallclaims/startingcase.shtml>, truy cập ngày 10/9/2021.

1.3.1. Vụ án có tình tiết đơn giản, quan hệ pháp luật rõ ràng, đương sự đã thừa nhận nghĩa vụ; tài liệu, chứng cứ đầy đủ; bảo đảm căn cứ để giải quyết vụ án và Tòa án không phải thu thập tài liệu, chứng cứ.

Vụ án dân sự được coi là có tình tiết đơn giản, quan hệ pháp luật rõ ràng là vụ án đã xác định rõ về quan hệ tranh chấp, về giá ngạch và về tư cách tham gia tố tụng của các bên tranh chấp. Còn đương sự đã thừa nhận nghĩa vụ là các bên có nghĩa vụ đã thừa nhận nghĩa vụ chuyển giao vật, chuyển giao quyền, trả tiền... cho bên có quyền trong vụ án tranh chấp đó. Tài liệu chứng cứ đầy đủ là việc, các bên đương sự đã nộp cho Tòa án đầy đủ chứng cứ chứng minh các quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia tố tụng, cũng như người có quyền và nghĩa vụ liên quan.

1.3.2. Các đương sự đều có địa chỉ nơi cư trú, trụ sở rõ ràng.

Điều kiện này được hiểu là phải xác định rõ ràng, chính xác địa chỉ nơi đương sự ở: nếu đương sự là cá nhân thì là nơi thường xuyên sinh sống, hoặc đang sinh sống theo Điều 40 BLDS 2015. Trong khi đó, Điều 11 Luật Cư trú 2020 cũng quy định, nơi cư trú của công dân bao gồm nơi thường trú và tạm trú, trong trường hợp không xác định được nơi thường trú và tạm trú, thì nơi ở sẽ là nơi người đó đang thực tế sinh sống. Đối với đương sự là tổ chức, pháp nhân thì địa chỉ là nơi đặt cơ quan điều hành của pháp nhân theo Điều 79 BLDS 2015. Khoản 13 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2020 cũng đã quy định, địa chỉ liên lạc của doanh nghiệp là địa chỉ đăng ký trụ sở chính đối với tổ chức khi thành lập.

1.3.3. Không có đương sự cư trú ở nước ngoài, tài sản tranh chấp ở nước ngoài.

Vào thời điểm Tòa án thụ lý vụ án đương sự là cá nhân, không phân biệt là người Việt Nam hay người nước ngoài, phải đang sinh sống hoặc thường xuyên sinh sống trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Còn đương sự là cơ quan, tổ chức, không phân biệt là cơ quan, tổ chức nước ngoài hay cơ quan, tổ chức Việt Nam phải có trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam. Và không có tài sản tranh chấp ở nước ngoài, là tài sản tranh chấp đó không ở ngoài biên giới lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, vào thời điểm Tòa án thụ lý vụ án dân sự đó.

Tuy có đương sự cư trú ở nước ngoài, tài sản tranh chấp ở nước ngoài, nhưng các đương sự ở nước ngoài và đương sự ở Việt Nam có thỏa thuận đề nghị Tòa án giải quyết theo thủ tục rút gọn, hoặc các đương sự đã xuất trình được chứng cứ về quyền sở hữu hợp pháp tài sản, và có thỏa thuận thống nhất về việc xử lý tài sản, thì Tòa án vẫn áp dụng thủ tục rút gọn để giải quyết vụ án.

Trong quan hệ pháp luật dân sự nhà nước luôn tôn trọng, đảm bảo và khuyến khích sự thỏa thuận của các đương sự. Việc đương sự thỏa thuận, thương lượng giải quyết tranh chấp trong mọi giai đoạn tố tụng dân sự, luôn được Nhà nước khuyến khích. Do vậy, trường hợp dù có đương sự ở nước ngoài, nhưng nếu các đương sự này và các đương sự ở Việt Nam có thỏa thuận Tòa án giải quyết theo thủ tục rút gọn, thì Tòa án vẫn chấp nhận.

1.4. Ý nghĩa của thủ tục rút gọn.

Thủ tục tố tụng dân sự rút gọn sẽ bảo vệ quyền lợi của các đương sự một cách nhanh chóng, kịp thời nhiều vụ án, đơn giản, rõ ràng góp phần giải quyết tình trạng tồn đọng án kéo dài. Bởi lẽ, với thời hạn giải quyết được rút ngắn, trình tự tố tụng đơn giản thì vụ án nhanh chóng được giải quyết dứt điểm, khôi phục kịp thời các quan hệ xã hội bị xâm phạm, qua đó bảo vệ quyền lợi của các đương sự nhanh chóng, hiệu quả. Từ đó, hạn chế được các hiện tượng tiêu cực hiện nay như khiếu kiện kéo dài, hoặc người dân thiếu tin tưởng vào tính hiệu quả của hệ thống Tòa án, nên đã tự mình hành xử bằng cách bắt nợ, đòi nợ thuê dẫn đến gây mất trật tự xã hội, và có thể phát sinh thành các tội phạm hình sự. Với việc giải quyết nhanh chóng các tranh chấp; khiếu kiện, thủ tục rút gọn làm giảm đáng kể số lượng án ngày càng gia tăng trong giai đoạn hiện nay, và xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh.

Ngoài ra, việc giải quyết vụ án nhanh chóng, dứt điểm sẽ đem lại hiệu quả cao cho việc xét xử là bảo vệ kịp thời các quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự và tòa án có điều kiện tập trung thời gian, nguồn lực con người cho việc giải quyết các vụ án dân sự khó khăn, phức tạp khác.

Thủ tục tố tụng dân sự rút gọn sẽ đem lại hiệu quả về mặt kinh tế cho cả Nhà nước và đương sự đó là tiết kiệm thời gian, nhân lực, tiền của. Thủ tục tố tụng dân sự rút gọn quy định, án phí mà đương sự phải chịu là thấp hơn so với thủ tục tố tụng thông

thường. Quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định: “*đối với vụ án giải quyết tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động và vụ án hành chính được giải quyết theo thủ tục rút gọn thì mức án phí bằng 50% mức án phí quy định tại mục A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết này*”. Theo quy định trên thì, đối với các vụ án dân sự ở cấp sơ thẩm, mà được giải quyết theo thủ tục rút gọn sẽ có án phí bằng 50% (tức một nửa) mức án phí, đối với các vụ án dân sự sơ thẩm được giải quyết theo thủ tục thông thường. Bên cạnh đó, do các vụ án đơn giản, xét xử nhanh nên các chi phí đi lại, thuê luật sư không phải phát sinh thêm. Tòa án cũng không phải tiến hành tất cả các trình tự, thủ tục để đưa vụ án ra xét xử mà gần như chỉ căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do các bên đương sự cung cấp. Vì vậy, các chi phí phát sinh như định giá, thẩm định tại chỗ, thu thập tài liệu, chứng cứ cũng không phát sinh.

Thủ tục rút gọn là quy định mới trong BLTTDS 2015, để cụ thể hóa quy định của Hiến pháp 2013, thể chế hóa chủ trương cải cách tư pháp của đảng và phù hợp yêu cầu đòi hỏi của xã hội. Với ý nghĩa to lớn không chỉ đối với các đương sự, các cơ quan tiến hành tố tụng, mà còn có ý nghĩa pháp lý và xã hội sâu sắc trong tình hình hiện nay, giúp người dân dễ dàng tiếp cận với pháp luật. Việc xây dựng TTRG góp phần đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp, đáp ứng nhu cầu hội nhập quốc tế của nước ta. Trong xu thế hội nhập nền kinh tế quốc tế hiện nay, đòi hỏi các thủ tục tố tụng nói chung và thủ tục tố tụng tư pháp dân sự nói riêng, phải đáp ứng được yêu cầu về sự linh hoạt, nhanh chóng, thuận tiện để giải quyết kịp thời các tranh chấp phát sinh. Vì thế hàng loạt trong các luật tố tụng hành chính, hình sự, dân sự vừa sửa đổi đều có thủ tục rút gọn.

2. Khởi kiện và thụ lý đối với vụ án giải quyết theo thủ tục rút gọn

BLTTDS 2015 không quy định một phần riêng, về vấn đề thụ lý đơn yêu cầu giải quyết vụ án dân sự theo thủ tục tố tụng rút gọn. Như vậy, thủ tục khởi kiện và thụ lý vụ án giải quyết theo thủ tục tố tụng rút gọn, được thực hiện theo quy định chung từ Điều 186 đến Điều 196 của BLTTDS 2015, tức là các quy định về khởi kiện và thụ lý vụ án dân sự theo thủ tục tố tụng thông thường.

Sau khi nhận đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, nếu vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, thì thẩm phán phải thông báo cho người khởi kiện biết về việc phải đến Tòa án làm thủ tục nộp tiền tạm ứng án phí, và thẩm phán thụ lý vụ án khi người khởi kiện nộp cho Tòa án biên lai thu tiền tạm ứng án phí. Trường hợp người khởi kiện được miễn, hoặc không phải nộp tiền tạm ứng án phí, thì thẩm phán thụ lý vụ án khi nhận được đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ kèm theo. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày thụ lý vụ án, thẩm phán phải thông báo bằng văn bản cho nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, cho Viện kiểm sát cùng cấp về việc Tòa án đã thụ lý vụ án. Nội dung của thông báo thụ lý phải có các nội dung được quy định tại khoản 2 Điều 196 BLTTDS 2015, và phải ghi rõ trong thông báo là vụ án được thụ lý theo thủ tục rút gọn.

3. Chuyển vụ án giải quyết theo thủ tục rút gọn sang giải quyết theo thủ tục thông thường

Theo quy định của khoản 3 Điều 317 BLTTDS 2015, thì trong quá trình giải quyết vụ án theo thủ tục rút gọn, ở giai đoạn chuẩn bị xét xử vụ án theo thủ tục rút gọn, nếu xuất hiện một trong các tình tiết mới sau đây làm cho vụ án không còn đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục rút gọn thì Tòa án ra quyết định chuyển vụ án sang giải quyết theo thủ tục thông thường, đó là:

Phát sinh tình tiết mới mà các đương sự không thống nhất do đó cần phải xác minh, thu thập thêm tài liệu, chứng cứ hoặc cần phải tiến hành giám định;

Cần phải định giá, thẩm định giá tài sản tranh chấp mà các đương sự không thống nhất về giá;

Cần phải áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời;

Phát sinh người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;

Phát sinh yêu cầu phân tố hoặc yêu cầu độc lập;

Phát sinh đương sự cư trú ở nước ngoài, tài sản tranh chấp ở nước ngoài, yêu cầu xác minh, thu thập chứng cứ ở nước ngoài mà cần phải thực hiện ủy thác tư pháp, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 317 của BLTTDS (trường hợp có đương sự cư trú ở nước ngoài, tài sản tranh chấp ở nước ngoài, nhưng đương sự ở

nước ngoài và đương sự ở Việt Nam có thỏa thuận đề nghị Tòa án giải quyết theo thủ tục rút gọn, hoặc các đương sự đã xuất trình được chứng cứ về quyền sở hữu hợp pháp tài sản, và có thỏa thuận thống nhất về việc xử lý tài sản).

Bên cạnh đó, thì pháp luật dân sự hiện hành lại không quy định trong trường hợp vụ án đáp ứng đầy đủ các điều kiện để giải quyết theo thủ tục rút gọn, thì có bắt buộc Tòa án phải thụ lý, và giải quyết theo thủ tục rút gọn hay không?

Ngoài ra, khoản 4 Điều 317 BLTTDS 2015 cũng quy định về thời hạn tố tụng, trường hợp chuyển sang giải quyết theo thủ tục thông thường, thì thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án được tính từ ngày chuyển vụ án sang giải quyết theo thủ tục thông thường. Quy định này sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho Tòa án có thêm thời gian để giải quyết tranh chấp, nhưng thời gian tổng thể để giải quyết vụ kiện sẽ bị kéo dài hơn, so với trường hợp ngay từ đầu yêu cầu khởi kiện của đương sự được Tòa án thụ lý, và giải quyết theo thủ tục thông thường.

4. Khiếu nại, kiến nghị về quyết định không xét xử vụ án theo thủ tục rút gọn

Một điểm khác biệt giữa thủ tục tố tụng thông thường và thủ tục tố tụng rút gọn đó là, đương sự có quyền khiếu nại, Viện kiểm sát có quyền kiến nghị quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục tố tụng rút gọn. Cụ thể, theo Điều 319 BLTTDS 2015 thì: *“Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận được quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục rút gọn, đương sự có quyền khiếu nại, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kiến nghị với Chánh án Tòa án đã ra quyết định”*.

Điều này có nghĩa rằng, nếu đương sự, Viện kiểm sát không đồng ý với quyết định đưa vụ án ra xét xử theo TTRG của Tòa án, thì được quyền khiếu nại, kiến nghị với Chánh án Tòa án đã ra quyết định đó. Theo đó, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được khiếu nại, kiến nghị về quyết định đưa vụ án ra xét xử theo TTRG, Chánh án Tòa án phải ra một trong các quyết định sau:

“Giữ nguyên quyết định đưa vụ án ra xét xử theo TTRG; Hủy quyết định đưa vụ án ra xét xử theo TTRG và chuyển vụ án sang giải quyết theo thủ tục thông thường. Quyết định giải quyết khiếu nại, kiến nghị của Chánh án Tòa án là quyết định cuối cùng và phải được gửi ngay cho đương sự, Viện kiểm sát cùng cấp”. Nói cách khác,

đương sự cũng như Viện kiểm sát không có quyền khiếu nại hay kiến nghị lần hai lên cấp cao hơn.

5. Những hạn chế và khó khăn khi áp dụng các quy định về thủ tục rút gọn

5.1. Về điều kiện áp dụng thủ tục rút gọn.

5.1.1. Điều kiện: “Vụ án có tính tiết đơn giản, quan hệ pháp luật rõ ràng”.

Hiện nay chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể nào về cách hiểu “vụ án có tính tiết đơn giản, quan hệ pháp luật rõ ràng”, điều này làm cho việc áp dụng quy định này, để xem xét vụ án nào đủ điều kiện áp dụng thủ tục rút gọn giải quyết gặp rất nhiều khó khăn, thiếu sự đồng nhất giữa các Tòa án, và phụ thuộc rất nhiều vào sự phán xét chủ quan của thẩm phán.

Ví dụ, tranh chấp về một hợp đồng vay tài sản 100 triệu đồng, mà trong đó các bên đã có hợp đồng vay cụ thể, tài sản đã được trao cho bên vay đúng hạn, đúng số lượng và có bằng chứng xác thực về những vấn đề đó như hợp đồng vay, giấy tờ xác nhận bên cho vay đã giao tài sản cho bên vay. Để xác định đây là vụ án đơn giản hay không, thẩm phán có thể dựa trên các dấu hiệu như bản chất rõ ràng của mối quan hệ dân sự (đây là quan hệ vay tài sản), số lượng đương sự liên quan (chỉ có nguyên đơn - người cho vay, và bị đơn - người vay), bị đơn đã thừa nhận hành vi nhận tiền, và thừa nhận nghĩa vụ trả tiền, chứng cứ rõ ràng (hợp đồng vay, biên bản giao nhận tiền có chữ ký của các bên) và các bên đều có địa chỉ liên lạc rõ ràng... ? Nếu đánh giá tính chất của vụ án dân sự theo cách trên, vô hình trung, đã đề cập đến các dấu hiệu khác cũng là điều kiện để áp dụng TTRG. Việc chưa có cách hiểu cụ thể về điều kiện này, đang gây ra khó khăn cho thẩm phán trong việc lựa chọn thủ tục tố tụng rút gọn để giải quyết tranh chấp.

5.1.2. Điều kiện : “Đương sự đã thừa nhận nghĩa vụ”.

Điều kiện này có thể được hiểu là nguyên đơn, bị đơn, người có quyền và nghĩa vụ liên quan đều không phủ nhận nghĩa vụ của mình đối với nhau, để từ đó có thể giúp thẩm phán thấy được sự đơn giản trong việc tìm ra sự thật khách quan của vụ án. Tuy nhiên, trong thực tế thì để các đương sự thừa nhận nghĩa vụ của mình rất khó khăn. Thực tiễn, các vụ án đưa ra Tòa để giải quyết thì thường các đương sự mâu

thuần, không thống nhất, không ai thừa nhận của mình. Các đương sự chỉ thừa nhận nghĩa vụ của mình khi được Tòa án triệu tập lên giải quyết.

Ví dụ, trong vụ án tranh chấp về đòi tiền nhà cho thuê, bên thuê đã thừa nhận mình có thuê nhà từ bên cho thuê, nghĩa vụ phải trả lại nhà cho bên cho thuê, nghĩa vụ bồi thường thiệt hại do gây hư hỏng nhà, nhưng lại không đồng ý với số tiền bồi thường mà bên kia yêu cầu. Điều này dẫn đến hai cách hiểu và áp dụng luật khác nhau. Thứ nhất sẽ không áp dụng thủ tục rút gọn để giải quyết vụ án, mà giải quyết bằng thủ tục thông thường, bởi vì bị đơn đã phản đối một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Thứ hai vẫn sẽ được áp dụng thủ tục rút gọn, vì bị đơn đã thừa nhận nghĩa vụ trả tiền thuê nhà, và khoản tiền bồi thường cho nguyên đơn. Bị đơn chỉ không đồng ý với số tiền mà bên kia đưa ra, chứ không phải là bị đơn phủ nhận nghĩa vụ trả nợ của mình đối với nguyên đơn. Trong trường hợp này, đương sự có được xem là đã thừa nhận nghĩa vụ hay không? Có thể thấy rằng về điều kiện “Đương sự đã thừa nhận nghĩa vụ” cần xác định rõ là đương sự thừa nhận toàn bộ nghĩa vụ hay chỉ cần thừa nhận nghĩa vụ một phần? Bên cạnh đó thì, Tòa án cần tiến hành kiểm tra có đúng là bị đơn đã hoàn toàn tự nguyện thừa nhận nghĩa vụ của mình hay không, và việc thừa nhận đó không bị lừa dối, đe dọa hoặc nhằm che đậy một hành vi, giao dịch bất hợp pháp khác.

5.1.3. Điều kiện: “Tài liệu, chứng cứ đầy đủ, bảo đảm đủ căn cứ để giải quyết vụ án và Tòa án không phải thu thập tài liệu, chứng cứ”.

Vụ án có tài liệu, chứng cứ đầy đủ, bảo đảm đủ căn cứ để giải quyết vụ án và Tòa án không phải thu thập tài liệu, chứng cứ đến nay vẫn chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể, mà chủ yếu phụ thuộc vào đánh giá chủ quan của thẩm phán. Điều này dẫn đến khả năng thẩm phán đánh giá không đúng về tính đầy đủ, bảo đảm đủ căn cứ của tài liệu, chứng cứ. Từ đó quyết định việc áp dụng hay không áp dụng thủ tục rút gọn không chuẩn xác, hoặc có sự đánh giá khác nhau giữa các cấp xét xử. Do vậy, thường dẫn đến tình trạng hủy, sửa bản án, hoặc chuyển vụ án từ thủ tục tố tụng rút gọn sang thủ tục tố tụng thông thường khi xét xử ở cấp phúc thẩm. Bên cạnh đó, quy định điều kiện đủ “và Tòa án không phải thu thập tài liệu, chứng cứ” là quá chặt, có thể làm thu hẹp đối tượng vụ án được áp dụng thủ tục tố tụng rút gọn.

5.1.4. Điều kiện: “Các đương sự đều có địa chỉ nơi cư trú, trụ sở rõ ràng”.

Theo Điều 40 BLDS 2015, nơi cư trú của cá nhân là nơi người đó thường xuyên sinh sống. Trường hợp không xác định được nơi cư trú của cá nhân theo quy định này, thì nơi cư trú của cá nhân là nơi người đó đang sinh sống. Trong khi đó, Điều 11 Luật Cư trú 2020 cũng quy định, nơi cư trú của công dân là chỗ ở hợp pháp mà người đó thường xuyên sinh sống. Đó là nơi thường trú hoặc nơi tạm trú. Nơi thường trú là nơi công dân sinh sống thường xuyên, ổn định, không có thời hạn tại một chỗ ở nhất định và đã đăng ký thường trú. Còn nơi tạm trú là nơi công dân sinh sống ngoài nơi đăng ký thường trú, và đã đăng ký tạm trú. Trong trường hợp không xác định được nơi cư trú của công dân theo quy định trên, thì nơi cư trú của công dân là nơi người đó đang sinh sống. Đối với pháp nhân, địa chỉ trụ sở của pháp nhân là địa chỉ nơi đặt cơ quan điều hành của pháp nhân theo Điều 79 BLDS 2015, hoặc chính xác địa chỉ nơi tổ chức đó có trụ sở giao dịch, trụ sở ở đây là trụ sở chính hoặc chi nhánh. Nếu căn cứ vào những quy định trên, thì không khó khi xác định nơi cư trú, trụ sở của đương sự về mặt nguyên tắc. Tuy nhiên, để xác định theo hướng giải quyết vụ án theo TTRG thì nó lại phức tạp hơn nhiều.

Ví dụ, khi Tòa án thụ lý vụ án, bị đơn có mặt tại nơi cư trú, và nguyên đơn đã cung cấp địa chỉ nơi cư trú của bị đơn như đã biết cho Tòa án. Nhưng sau đó, trong quá trình chuẩn bị xét xử theo TTRG, thì bị đơn rời khỏi nơi cư trú. Vậy trường hợp này, có được xem là đương sự có nơi cư trú, trụ sở “rõ ràng” hay không để thoả mãn điều kiện tiếp tục giải quyết vụ án theo TTRG?

Theo khoản 2 Điều 317 BLTTDS 2015, đối với vụ án lao động đã được thụ lý, giải quyết theo TTRG, mà người sử dụng lao động có quốc tịch nước ngoài, hoặc người đại diện theo pháp luật của họ đã rời khỏi địa chỉ nơi cư trú, nơi có trụ sở mà không thông báo cho đương sự khác, cho Tòa án thì bị coi là trường hợp cố tình giấu địa chỉ, thì Tòa án vẫn giải quyết vụ án đó theo TTRG. Từ quy định trên, có thể suy ngược lại rằng đối với các vụ án khác, không phải vụ án lao động, khi đương sự rời khỏi địa chỉ nơi cư trú, nơi có trụ sở mà không thông báo thì Tòa án không giải quyết vụ án này theo TTRG nữa. Nói cách khác, Tòa án sẽ chuyển vụ án sang giải quyết theo thủ tục thông thường? Tuy nhiên, nếu hiểu theo cách này thì sẽ mâu thuẫn với khoản 3 của cùng điều luật. Bởi lẽ, theo quy định tại khoản 3 thì việc đương sự rời

khởi địa chỉ nơi cư trú, không nằm trong các điều kiện xuất hiện tình tiết mới, để Toà án quyết định chuyển vụ án từ TTRG sang thủ tục thông thường.

Còn hiểu theo một hướng khác, chúng ta có thể áp dụng tương tự pháp luật cho các vụ án khác, không phải vụ án lao động (Điều 45 BLTTDS 2015), nghĩa là Toà án sẽ vẫn giải quyết vụ án đó theo TTRG. Tuy nhiên, cách hiểu này cũng không hợp lý, bởi lẽ, theo cách này thì các nhà lập pháp không cần thiết kể riêng một ngoại lệ như vậy cho các vụ án lao động.

Từ những phân tích trên cho thấy, vẫn chưa có cách nhìn nhận đúng về điều kiện này, do vậy, cần sự hướng dẫn cụ thể hơn từ các nhà làm luật.

5.2. Khởi kiện và thụ lý đối với vụ án giải quyết theo thủ tục rút gọn.

Tại điểm đ khoản 2 Điều 196 BLTTDS 2015 quy định, khi xem xét đơn khởi kiện và các chứng cứ kèm theo, nếu đủ điều kiện thụ lý thì thẩm phán ban hành thông báo thụ lý vụ án, trong nội dung thông báo thụ lý vụ án phải xác định “Vụ án được thụ lý theo thủ tục thông thường hay thủ tục rút gọn”.

Với quy định như trên, thì thủ tục rút gọn khó thực hiện trong thực tiễn xét xử đối với các tranh chấp về dân sự; bởi vì, theo khoản 1 Điều 199 BLTTDS 2015 quy định: *“Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và tài liệu, chứng cứ kèm theo, yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập (nếu có)”*. Như vậy, sau khi nhận được thông báo thụ lý của Tòa án, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và tài liệu, chứng cứ kèm theo, yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập trong thời hạn 15 ngày. Khi nhận được văn bản nêu ý kiến của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan hoặc Tòa án triệu tập để làm việc về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thì mới xác định được các đương sự có thừa nhận nghĩa vụ hay không. Do đó, khi xem xét đơn khởi kiện và các chứng cứ ban đầu kèm theo của đương sự, chỉ xác định được quan hệ tranh chấp, yêu cầu của đương sự. Chưa triệu tập các đương sự trong vụ án, sẽ không nắm được nội dung vụ án thông qua lời khai của đương sự, để xác định được họ có thừa nhận nghĩa vụ hay không, có phát sinh thêm chứng cứ mới hay không, thì không thể xác định được vụ án có đủ điều kiện để áp dụng thủ tục rút gọn.

Cho đến nay, chưa có văn bản nào hướng dẫn thủ tục nhận đơn khởi kiện đối với trường hợp vụ án được áp dụng theo thủ tục rút gọn. Quy định về điều kiện để Tòa án áp dụng thủ tục rút gọn khi giải quyết các vụ án dân sự, được xác định từ khi thẩm phán ban hành thông báo thụ lý vụ án là chưa thể thực hiện được trên thực tế.

5.3. Chuyển vụ án được giải quyết theo thủ tục rút gọn sang thủ tục thông thường và ngược lại.

Khoản 3 Điều 317 BLTTDS 2015 quy định, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử vụ án theo thủ tục rút gọn, nếu xuất hiện tình tiết mới làm cho vụ án không còn đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục rút gọn, thì Tòa án phải ra quyết định chuyển vụ án sang giải quyết theo thủ tục thông thường. Tuy nhiên, quy định trên lại mang tính chung, chưa cụ thể. Bởi, khi xuất hiện các tình tiết mới nhưng chúng vẫn thỏa mãn các tiêu chí để áp dụng các thủ tục rút gọn, thì Tòa án vẫn chuyển vụ án sang giải quyết theo thủ tục thông thường. Với quy định chặt chẽ về điều kiện áp dụng thủ tục rút gọn như nêu ở trên, đã thu hẹp những vụ án được giải quyết theo thủ tục này. Việc chuyển thủ tục để giải quyết, cũng sẽ làm cho thời gian giải quyết vụ án bị kéo dài. Vì vậy, trong thực tiễn, trừ những vụ án mà các bên đương sự có sự thống nhất ý chí cao, còn lại trong nhiều trường hợp, bản thân người khởi kiện cũng không mong muốn được áp dụng thủ tục rút gọn để giải quyết vụ án dân sự.

Khoản 3 Điều 191 BLTTDS 2015 quy định: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày được phân công xem xét đơn khởi kiện, thẩm phán phải xem xét đơn khởi kiện và tùy từng trường hợp mà ra quyết định, trong đó có tiên hành thủ tục thụ lý vụ án theo thủ tục thông thường, hoặc theo thủ tục rút gọn nếu vụ án có đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục rút gọn quy định tại khoản 1 Điều 317 của BLTTDS 2015. Như vậy, việc áp dụng thủ tục rút gọn hay không là phải quyết định ngay từ khi thụ lý vụ án. Tuy nhiên, trong một số trường hợp, Tòa án cần có thời gian (dài hơn 05 ngày làm việc), để xác định được chính xác một vụ án có đủ các điều kiện để áp dụng thủ tục tố tụng rút gọn theo quy định tại khoản 1 Điều 317 BLTTDS 2015 hay không. Do luật không quy định, nên đối với những vụ án này Tòa án thông thường sẽ thụ lý giải quyết theo thủ tục tố tụng thông thường. Sau đó, mặc dù vụ án có đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục rút gọn, nhưng do BLTTDS không quy định về việc chuyển

từ thủ tục thông thường sang thủ tục rút gọn, nên vụ án vẫn không thể được giải quyết theo thủ tục rút gọn.

5.3.1. Về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

BLTTDS 2015 không quy định về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với vụ án giải quyết theo thủ tục tố tụng rút gọn. Nhưng tại khoản 3 Điều 317 BLTTDS 2015 lại quy định, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử vụ án theo thủ tục rút gọn, nếu xuất hiện tình tiết “cần phải áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời” thì Tòa án ra quyết định chuyển vụ án sang giải quyết theo thủ tục thông thường.

Theo quy định tại Điều 111 BLTTDS 2015, đương sự, người đại diện của đương sự hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện có quyền yêu cầu Tòa án áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khẩn cấp tạm thời với mục đích giải quyết yêu cầu cấp bách của đương sự nhằm bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản, chứng cứ và đảm bảo thi hành án. Việc áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi mở phiên tòa do một thẩm phán quyết định tại khoản 1 Điều 112 BLTTDS 2015, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận đơn tại điểm a khoản 2 Điều 133 BLTTDS 2015. BLTTDS 2015 cũng quy định, những trường hợp khi yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, thì người yêu cầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm, để tránh sự lạm quyền theo Điều 136 BLTTDS 2015.

Như vậy, đối với vụ án giải quyết theo thủ tục tố tụng rút gọn, thì không được áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Trong khi đó, BLTTDS 2015 quy định nhiều biện pháp khẩn cấp tạm thời, và có những biện pháp khẩn cấp tạm thời mà việc áp dụng chúng không làm ảnh hưởng đáng kể đến thời gian thụ lý, giải quyết vụ án, đồng thời cũng không phát sinh những vấn đề có thể làm cho vụ án thêm phức tạp, hoặc kéo dài thêm thời gian giải quyết vụ án như: tạm đình chỉ thi hành quyết định đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động, quyết định sa thải người lao động; cấm chuyển dịch quyền về tài sản đối với tài sản đang tranh chấp; cấm thay đổi hiện trạng tài sản đang tranh chấp; cấm xuất cảnh đối với người có nghĩa vụ; cấm tiếp xúc với nạn nhân bạo lực gia đình,...

5.3.2. Về việc chuyển vụ án từ TTRG sang thủ tục thông thường khi phát sinh người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; phát sinh yêu cầu phản tố hoặc yêu cầu độc lập.

Việc phát sinh người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, và yêu cầu phản tố, hoặc độc lập tại điểm d và điểm đ khoản 3 điều 317 BLTTDS 2015, không đương nhiên làm cho vụ án phức tạp hơn để chuyển sang giải quyết theo thủ tục thông thường. Theo đó, nếu các đương sự vẫn thừa nhận nghĩa vụ của họ đối với nhau, tài liệu chứng cứ rõ ràng để Toà án có thể tìm ra dễ dàng sự thật khách quan, và vẫn đáp ứng đầy đủ những điều kiện để áp dụng TTRG. Như vậy, vụ án vẫn không bị mất đi tính chất đơn giản, để Toà án có thể áp dụng TTRG, và cho ra bản án trong thời gian sớm nhất nhằm giải quyết quyền lợi chính đáng và cấp thiết của đương sự.

5.4. Khiếu nại, kiến nghị về quyết định không xét xử vụ án theo thủ tục rút gọn.

BLTTDS 2015 chỉ quy định việc khiếu nại, kiến nghị và giải quyết khiếu nại, kiến nghị về quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục rút gọn tại Điều 319. Tuy nhiên, lại thiếu quy định cụ thể về trình tự, thủ tục khiếu nại và giải quyết khiếu nại của đương sự đối với những vấn đề trên. Dẫn đến đương sự, Viện kiểm sát không có quyền khiếu nại, kiến nghị đối với việc Tòa án thụ lý giải quyết theo thủ tục rút gọn ngay từ đầu, mà phải đợi đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử mới có quyền khiếu nại, kiến nghị. Trường hợp qua giải quyết khiếu nại, kiến nghị mà phải chuyển vụ án sang giải quyết theo thủ tục tố tụng thông thường, thì gây lãng phí khoảng thời gian từ khi thụ lý vụ án đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Theo khoản 1 Điều 319, thì thời gian mà BLTTDS 2015 quy định để khiếu nại, kiến nghị với quyết định của Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục rút gọn là tương đối ngắn, khi chỉ có là 03 ngày. Phạm vi quyền khiếu nại, kiến nghị của đương sự và Viện kiểm sát cũng là hạn chế.

Theo khoản 2 Điều 316 BLTTDS 2015 quy định: *“những quy định của Phần này được áp dụng để giải quyết vụ án theo TTRG; trường hợp không có quy định thì áp dụng những quy định khác của Bộ luật này để giải quyết vụ án”*. Rải rác trong BLDS 2015 là các điều luật quy định về khiếu nại, kiến nghị đối với các quyết định và hành vi tố tụng của người, cơ quan tiến hành tố tụng như Điều 140 về khiếu nại, kiến nghị

quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, Điều 194 về khiếu nại, kiến nghị việc trả lại đơn khởi kiện... Tuy nhiên, những điều luật như vậy chỉ quy định về việc khiếu nại, kiến nghị cho những trường hợp cụ thể mà không áp dụng được cho TTRG.

Bên cạnh đó, Điều 499 BLTTDS 2015, mở đầu cho Chương XLI về khiếu nại, tố cáo trong TTDS nằm trong Phần thứ mười của BLTTDS 2015 quy định rằng, “*cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại quyết định, hành vi trong TTDS của cơ quan, người tiến hành TTDS khi có căn cứ cho rằng quyết định, hành vi đó là trái pháp luật, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Đối với bản án, quyết định sơ thẩm, phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm của Tòa án nếu có kháng cáo, kháng nghị và các quyết định tố tụng khác do người tiến hành TTDS ban hành nếu có khiếu nại, kiến nghị thì không giải quyết theo quy định tại Chương này mà được giải quyết theo quy định của các chương tương ứng của Bộ luật TTDS*”. Nói cách khác, chỉ khi các quyết định hay hành vi tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng trái pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của đương sự thì việc khiếu nại của đương sự mới thuộc phạm vi điều chỉnh của Chương này.

Như vậy, trong trường hợp này là việc không áp dụng TTRG để giải quyết vụ án dù vụ án đáp ứng đủ các điều kiện để tiến hành giải quyết theo TTRG, có được xem là quyết định hay hành vi trái pháp luật của Tòa án nói chung, và của thẩm phán nói riêng hay không?

Như đã phân tích ở trên, các điều kiện để áp dụng TTRG mà BLTTDS 2015 quy định phần nhiều mang tính chất định tính, do vậy việc có áp dụng TTRG để giải quyết vụ án hay không phụ thuộc rất nhiều vào sự xem xét của thẩm phán, khó có thể nói việc không giải quyết vụ án theo TTRG là trái pháp luật. Như vậy, đương sự rất khó hoặc có thể nói là không thể áp dụng những quy định tại Chương XLI Phần thứ mười của BLTTDS 2015, để thực hiện quyền khiếu nại của mình đối với việc Tòa án không xét xử vụ án theo TTRG. Bên cạnh đó, nếu vận dụng điều khoản này để giải thích theo hướng chấp nhận quyền khiếu nại của đương sự, thì vô tình đã bỏ qua quyền kiến nghị của Viện kiểm sát.

Mặt khác, BLTTDS 2015 không quy định việc áp dụng giải quyết vụ án dân sự theo thủ tục rút gọn là bắt buộc, nếu vụ án có đủ các điều kiện theo quy định nên Viện

kiểm sát cũng không có căn cứ kiến nghị vi phạm, và yêu cầu Tòa án áp dụng. Có thể hiểu, Viện kiểm sát chỉ có quyền kiến nghị trong trường hợp, đã áp dụng thủ tục rút gọn mà không đủ điều kiện, chứ không quy định về quyền kiến nghị trong trường hợp đủ điều kiện nhưng không áp dụng. Việc bỏ ngỏ quy định về quyền khiếu nại, kiến nghị của đương sự và Viện kiểm sát nêu trên, kèm theo những quy định về điều kiện áp dụng TTRG, và chưa có những quy định cụ thể về trách nhiệm của Tòa án trong việc áp dụng thủ tục rút gọn, là một trong những nguyên nhân khiến các thẩm phán không “nhiệt tình” với việc áp dụng TTRG trong xét xử.

Với những quy định khiếu nại, kiến nghị về quyết định không xét xử vụ án theo thủ tục rút gọn đã phân tích như trên, thì những quy định này chưa đảm bảo được nguyên tắc bảo đảm quyền khiếu nại, tố cáo trong TTDS, tại Điều 25 của BLTTDS 2015:

“Cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại, cá nhân có quyền tố cáo những hành vi, quyết định trái pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng hoặc của bất cứ cơ quan, tổ chức, cá nhân nào trong hoạt động tố tụng dân sự.

Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền phải tiếp nhận, xem xét và giải quyết kịp thời, đúng pháp luật khiếu nại, tố cáo; thông báo bằng văn bản về kết quả giải quyết cho người đã khiếu nại, tố cáo”.

6. Một số vấn đề về thủ tục rút gọn quy định tại BLTTDS 2015 dưới góc nhìn so sánh

6.1. Điều kiện áp dụng thủ tục rút gọn.

Khoản 1 Điều 317 BLTTDS 2015 quy định cụ thể Tòa án giải quyết vụ án dân sự theo TTRG khi có đủ các điều kiện. Theo đó, về điều kiện áp dụng TTRG theo quy định của BLTTDS 2015, có sự khác biệt so với quy định về TTRG trong Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2010. Khoản 2 Điều 41 Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2010 quy định, vụ án dân sự về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, được giải quyết theo thủ tục đơn giản quy định trong pháp luật về tố tụng dân sự khi có đủ các điều kiện sau đây:

“a) Cá nhân là người tiêu dùng khởi kiện; tổ chức, cá nhân trực tiếp cung cấp hàng

hóa, dịch vụ cho người tiêu dùng bị khởi kiện;

b) Vụ án đơn giản, chứng cứ rõ ràng;

c) Giá trị giao dịch dưới 100 triệu đồng”.

BLTTDS 2015 không áp dụng điều kiện có tính minh bạch, rõ ràng giống quy định về điều kiện là giá ngạch (dưới 100 triệu đồng), như Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng 2010.

Việc BLTTDS 2015 bỏ qua tiêu chí giá ngạch, đã dẫn đến sự không tương thích với pháp luật các quốc gia phát triển. Nghiên cứu lịch sử lập pháp cho thấy, quy định về TTRG đối với các vụ kiện có giá trị tranh chấp nhỏ, cơ chế xét xử một thẩm phán, và xét xử một lần đã từng được quy định trong luật thực định của nước ta. Ví dụ, thời Pháp thuộc, tại Trung Kỳ nghị định 20/10/1947 của Hội đồng chấp chánh lâm thời Trung Kỳ, đã quy định về TTRG đối với các tranh chấp có giá trị nhỏ như sau: Các Toà đệ nhị cấp xử chung thẩm các việc tương tranh động sản, hoặc đối với người, việc thương sự; việc đòi tiền bồi hoàn hay bồi thường với giá ngạch trên 500 USD (tương đương 11 triệu đồng Việt Nam), nhưng dưới 1500 USD (tương đương 34 triệu đồng Việt Nam), về bất động sản theo giá ngạch đồng niên không quá 150 USD (tương đương 3,5 triệu đồng Việt Nam). Ở miền Nam Việt Nam, theo Điều 16 Bộ luật dân sự và thương sự ngày 20/01/1972 của chính quyền Sài Gòn, thì những vụ kiện về động sản có giá trị dưới 60.000 đồng (thời điểm 1972) được coi là có giá ngạch thấp. Tham khảo kinh nghiệm lập pháp của các nước phát triển như: Pháp, Đức, Đan Mạch, Thụy Điển, Hoa Kỳ đều có quy định về vấn đề này.

Ở Pháp đối với các vụ án dân sự nhỏ, có giá trị tranh chấp không vượt quá 10.000 EUR tương đương 287 triệu đồng Việt Nam, (các vụ án tranh chấp về hợp đồng thuê nhà ở, giải quyết yêu cầu giám hộ, kê biên đối với tiền lương, thưởng ...), thì được giải quyết theo thủ tục xét xử nhanh bằng một thẩm phán duy nhất, và các bên tham gia tố tụng không nhất thiết phải có luật sư.⁷ Tại các Tòa sơ thẩm thẩm quyền hẹp ở Pháp, có thủ tục xét xử rút gọn để áp dụng giải quyết đối với các vụ án có giá trị tranh chấp không vượt quá 4.000 EUR (tương đương 115 triệu đồng Việt Nam). Theo thủ

⁷ Trần Anh Tuấn (2015), Thủ tục tố tụng dân sự của một số nước châu Âu và so sánh với thủ tục tố tụng, Tạp chí Luật học, Số 11 (186), tr. 44 – 57.

tục này, người tham gia giải quyết các vụ án không phải là thẩm phán chuyên trách, mà là các thẩm phán được tuyển chọn từ những người có kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực pháp luật, làm việc tại Tòa án sơ thẩm thẩm quyền hẹp.

Ở Đức, TTRG được quy định trong quyền 7, Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) Đức áp dụng đối với những vụ khiếu kiện nhỏ có giá ngạch dưới 6.000 EUR (tương đương 161 triệu đồng Việt Nam), và được giải quyết bởi Tòa án địa hạt.⁸ Tại Vương Quốc Anh, vụ kiện có giá trị 10.000 Bảng Anh (GBP) (tương đương 316 triệu đồng Việt Nam) trở xuống, được coi là vụ kiện nhỏ, được giải quyết theo TTRG bởi Tòa án địa hạt.⁹

Ví dụ ở Hoa Kỳ, pháp luật các bang về cơ bản đều quy định rằng vụ án có giá ngạch thấp, được coi là vụ kiện nhỏ và được giải quyết theo thủ tục giản lược. Giá ngạch thấp do từng tiểu bang quy định, cơ bản trong khoảng từ 2.500 đô la Mỹ (USD) (tương đương 57 triệu đồng Việt Nam) đến 25.000 USD¹⁰ (tương đương 570 triệu đồng Việt Nam). Đa số tiểu bang quy định vụ kiện nhỏ để áp dụng TTRG, là các vụ kiện đòi nợ/tiền có giá trị không vượt quá 5.000 USD (tương đương 114 triệu đồng Việt Nam). Tiểu bang New York quy định giá ngạch thấp 5.000 USD ở các thành phố, và 3.000 USD (tương đương 68 triệu đồng Việt Nam) cho các vùng ngoại ô. Với những vụ kiện theo kiểu này, có thể được giải quyết mà không cần phải xét xử theo thủ tục thông thường, mà chỉ cần sau khi hai bên có cơ hội trình bày những quan điểm đối lập của mình, sau đó Tòa án dựa vào đó để ra phán quyết.

Ngoài ra, thủ tục rút gọn cũng được quy định trong pháp luật tố tụng dân sự của một số nước Châu Á khác như: Đài Loan, Thái Lan, Singapore...

⁸ Carsten Mahnke (2014), Báo cáo về thủ tục rút gọn: Kinh nghiệm quốc tế và khuyến nghị cho Việt Nam, Tài liệu hội thảo “Mô hình thủ tục rút gọn trong tố tụng dân sự - kinh nghiệm quốc tế và đề xuất cho Việt Nam”, do Tòa án nhân dân tối cao tổ chức ngày 24&25-11-2014 tại Thành phố Hồ Chí Minh, tr.17.

⁹ “Courts and tribunals judiciary”, <https://www.judiciary.gov.uk/you-and-the-judiciary/going-to-court/county-court/county-court/>, truy cập ngày 5/9/2021.

¹⁰ “50-State Chart of Small Claims Court Dollar Limits”, <http://www.nolo.com/legal-encyclopedia/small-claims-suits-how-much-30031.html>, truy cập ngày 8/9/2021.

Ví dụ, theo quy định tại Điều 427 BLTTDS Đài Loan,¹¹ thủ tục giản đơn được áp dụng trong các trường hợp sau:

- a. *Nếu là tranh chấp về quyền tài sản thì giá ngạch của vụ kiện không quá 100.000 Yuan (Nhân dân tệ) tương đương 35 triệu đồng Việt Nam.*
- b. *Trong những trường hợp sau đây, Tòa án áp dụng thủ tục giản đơn mà không phụ thuộc vào giá ngạch vụ án:*

Tranh chấp về thời hạn thuê nhà và thời hạn vay mượn;

Tranh chấp giữa người chủ và thợ trong hợp đồng thuê mượn dịch vụ mà thời hạn hợp đồng không quá 01 năm;

Tranh chấp giữa người du lịch và chủ khách sạn, nhà hàng về tiền ăn, tiền ở, tiền phương tiện, tiền trông giữ hành lý, tài sản khác v.v...;

Tranh chấp về việc yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu;

Tranh chấp về việc xác định ranh giới bất động sản hoặc cắm mốc đất;

Tranh chấp nợ trong trường hợp có giấy vay nợ;

Tranh chấp về lãi suất tiền cho vay, tiền hoa hồng, cấp dưỡng ly hôn, trợ cấp hưu trí, các khoản tiền phải trả định kỳ.

Ở Thái Lan, đối vụ án dân sự có giá trị tranh chấp không vượt quá 300.000 THB (Bạt Thái Lan) tương đương 205 triệu đồng Việt Nam, thì nguyên đơn có thể yêu cầu Tòa án xét xử theo thủ tục giản lược.¹²

“Thẩm quyền giải quyết các vụ việc theo thủ tục rút gọn ở Nhật Bản, được giao cho Tòa án giản lược thực hiện. Tại Nhật bản, tòa án đơn giản có thẩm quyền giải quyết những vụ án liên quan đến yêu cầu xét xử các vụ án dân sự có giá trị tranh chấp không vượt quá 1,4 triệu Yên (tương đương 300 triệu đồng Việt Nam). Theo quy định của Luật Tòa án Nhật Bản, thì tại Tòa án giản lược các vụ án đều do một thẩm phán xét xử, và tính chất đơn giản trong tổ tụng giản lược được phản ánh trong các quy

¹¹ Nguyễn Thị Thu Hà (2015), Về phiên tòa xét xử dân sự theo thủ tục tố tụng dân sự rút gọn, Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp, Số 19 (299), tr. 36 – 41.

¹² Interactive Associates (2018), Vụ kiện dân sự đơn giản, Truy cập tại đại chi: <https://www.interactivethailand.com/legal/small-claims/>.

định của pháp luật tố tụng như: thủ tục khởi kiện bằng miệng, thủ tục triệu tập được đơn giản hóa, biên bản xét xử đơn giản, và bản án ngắn gọn hơn các bản án của Tòa án thông thường. Đương sự không cần phải chuẩn bị văn bản, mà chỉ cần có mặt vào ngày tranh luận miệng để nêu ý kiến là đủ. Tòa án khi thấy phù hợp, có quyền yêu cầu nộp văn bản thay cho việc hỏi người làm chứng, đương sự hoặc người giám định, không phụ thuộc vào việc các bên đương sự có phản đối hay không”.¹³

Theo quy định tại Điều 141 của Bộ luật tố tụng dân sự Trung Quốc, thì việc xác định vụ án được xét xử theo thủ tục rút gọn căn cứ vào ba tiêu chí sau:

- a. *Tranh chấp giữa các đương sự có sự thật rõ ràng mà hai bên đương sự cơ bản nhất trí, chứng cứ đưa ra rõ ràng. Tòa án không cần phải tiến hành công việc điều tra, thu thập chứng cứ mà vẫn có thể làm rõ được sự thật, đúng sai của vụ án;*
- b. *Quan hệ pháp luật về tranh chấp giữa các bên đã rõ về việc bên nào được hưởng quyền lợi, bên nào phải gánh vác nghĩa vụ. Đồng thời quan hệ pháp luật về việc giải quyết tranh chấp đó cũng đã được quy định tương đối rõ ràng;*
- c. *Tranh chấp mà hai bên không có bất đồng lớn về đúng sai, trách nhiệm của các bên trong vụ án và các khoản chi phí tố tụng.*

“Điểm đặc biệt của TTRG trong TTDS của Trung Quốc là, việc khởi kiện có thể thực hiện bằng miệng. Hai bên đương sự đồng thời đến Tòa án để đề nghị giải quyết tranh chấp. Tùy từng trường hợp, Tòa án nhân dân có thể xét xử ngay, hoặc có thể ấn định một ngày khác để xét xử. Tòa án có thể thông báo bằng miệng, hoặc bằng văn bản cho đương sự về nội dung khởi kiện, mà không cần phải tiến hành các thủ tục thông báo chính thức như đối với thủ tục thông thường. Tòa án có thể sử dụng phương thức đơn giản để truyền gọi đương sự, nhân chứng. Việc xét xử theo thủ tục rút gọn do một thẩm phán tiến hành, không nhất thiết phải tuân thủ lần lượt các trình tự, thủ

¹³ “Thủ tục xét xử đơn giản ở Nhật Bản để thi hành án”, <https://thads.moj.gov.vn/UserControls/News/pFormPrint.aspx?UrlListProcess=/noidung/tintuc/Lists/ThongTinTHANuocNgoai&ListId=9a91c90f-f4e9-44dd-aad3-99fb9995af8e&SiteId=c14f4b03-975c-4234-893b-d5c829a196a7&ItemID=28&SiteRootID=a149ca04-0675-4959-b693-037f129a9de6>, truy cập ngày 20/9/2021.

tục mà có thể linh hoạt. Thời hạn để Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục rút gọn, phải kết thúc trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày lập án.”¹⁴

Ngoài tiêu chí giá ngạch thấp ra, các tranh chấp đơn giản, chứng cứ rõ ràng cũng là những tiêu chí để vụ án được giải quyết theo TTRG tại nhiều nước trên thế giới, mà không phụ thuộc vào giá trị tranh chấp.

Tại Vương Quốc Anh, TTRG cũng áp dụng giải quyết các vụ án mà giá trị tranh chấp lớn hơn 10.000 GBP (tương đương 310 triệu đồng Việt Nam), nhưng nội dung tranh chấp đơn giản, và các đương sự đều đồng ý áp dụng TTRG. Các vụ án loại này thường là các khiếu kiện về tiêu dùng (ví dụ: bồi thường đối với dịch vụ bị lỗi, bồi thường cho hàng hóa bị lỗi hoặc chất lượng công việc), các tranh chấp giữa chủ nhà và người thuê nhà về việc sửa chữa, tiền cọc, khu vực thuê... nhưng không phải về quyền sở hữu, nợ lương hoặc tiền bồi thường (khi cho nhân viên nghỉ việc mà không thông báo đúng luật), khiếu nại về tai nạn, tranh chấp về quyền sở hữu hàng hóa.

Ở nhiều tiểu bang của Hoa Kỳ, các vụ kiện về nợ không được thanh toán, tiền thuê còn thiếu, hoàn trả tiền ký quỹ, tài sản bị hư hại hay bị thiệt hại, các hóa đơn bác sĩ hoặc hóa đơn bệnh viện, và một số tranh chấp đơn giản khác đều được coi là các yêu cầu nhỏ và được giải quyết theo TTRG.

Ở Pháp, theo Điều 1405 Bộ luật tố tụng dân sự Pháp, và Luật số 81-1 ngày 2-1-1981 khuyến khích tín dụng doanh nghiệp của Pháp, thủ tục ra lệnh thanh toán nợ là một thủ tục giản đơn, được thực hiện bởi Tòa án trong những trường hợp có yêu cầu về: (i) khoản nợ có nguồn gốc từ một hợp đồng, hoặc từ một nghĩa vụ theo điều lệ và là một số tiền nhất định; nếu là do hợp đồng thì được xác định theo các điều khoản của hợp đồng, kể cả điều khoản phạt (nếu có); (ii) nợ do cam kết nhận hoặc rút hồi phiếu, ký nhận một kỳ phiếu, chuyển nhượng hoặc bảo lãnh các loại tín phiếu ấy, hoặc nhận chuyển nhượng một khoản nợ.

Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự Trung Quốc quy định rằng, thủ tục yêu cầu thanh toán nợ được áp dụng khi chủ nợ yêu cầu người mắc nợ thanh toán tiền, hoặc một chứng khoán có thể chuyển nhượng. Theo đó, chủ nợ có thể nộp đơn lên Tòa án có

¹⁴ “Một số vấn đề về thủ tục rút gọn trong Bộ luật TTDS năm 2015”, <https://moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/nghien-cuu-trao-doi.aspx?ItemID=2139>, truy cập ngày 7/9/2021.

thẩm quyền yêu cầu một lệnh trả nợ, nếu đáp ứng được hai yêu cầu sau: (a) chủ nợ và người mắc nợ không liên quan đến nghĩa vụ tranh chấp khác; và (b) lệnh đòi nợ có thể tổng đạt được đến người mắc nợ.

Nhật Bản quy định việc áp dụng TTRG đối với thủ tục ra lệnh thanh toán, là những yêu cầu thanh toán tiền, những vật thay thế, hoặc một số lượng nhất định chứng khoán có thể chuyển nhượng.

6.2. Chuyển vụ án từ TTRG sang thủ tục thông thường.

Theo quy định BLTTDS 2015, thì việc áp dụng TTRG chỉ được áp dụng khi vụ án dân sự đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 317. Và trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, nếu xuất hiện các tình tiết mới làm cho vụ án không còn đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục rút gọn, thì Tòa án ra quyết định chuyển vụ án sang giải quyết theo thủ tục thông thường.

Tuy nhiên, khi so sánh pháp luật tố tụng dân sự của các quốc gia phát triển, thì có hai vấn đề cần nghiên cứu sau:

Thứ nhất, việc xuất hiện tình tiết mới. Đối với tình tiết mới “Phát sinh người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan”, và “Phát sinh yêu cầu phản tố hoặc yêu cầu độc lập”, theo BLTTDS 2015 đây là căn cứ để chuyển vụ án từ TTRG sang thủ tục thông thường. Tuy nhiên, quy định này của Pháp luật Việt Nam khác biệt so với pháp luật các quốc gia phát triển. Ví dụ Nhật Bản, yêu cầu phản tố phải đi kèm với yêu cầu chuyển vụ án sang thủ tục thông thường, thì tòa án rút gọn mới thực hiện chuyển vụ án sang tòa án khác để giải quyết theo thủ tục chung. Theo BLTTDS Nhật Bản năm 1998, thì đối với thủ tục thông thường trong Tòa án rút gọn, việc phát sinh yêu cầu phản tố không đương nhiên hạn chế thẩm quyền của Tòa án rút gọn.¹⁵ Pháp luật tố tụng dân sự của Trung Quốc cũng không đặt ra điều kiện phát sinh yêu cầu phản tố, là cơ sở để chuyển vụ án sang giải quyết theo thủ tục tố tụng thông thường, mà chỉ quy định chung là trong quá trình xét xử theo TTRG, khi Tòa án xét thấy không thể áp dụng TTRG nữa, thì Tòa án sẽ áp dụng thủ tục thông thường để giải quyết.¹⁶

¹⁵ Nguyễn Thị Hồng Nhung (2017), Thủ tục rút gọn trong Luật tố tụng dân sự của Nhật Bản, Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á, Số 3.

¹⁶ Nguyễn Thị Hồng Nhung (2017), Bình luận khoa học về những điểm mới trong Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Nhà xuất bản ĐHQG Tp. Hồ Chí Minh, tr.181.

Thứ hai, pháp luật tố tụng dân sự hiện hành chỉ mới quy định về việc chuyển từ TTRG sang thủ tục thông thường, mà chưa có cơ chế ngược lại. Theo quy định tại Khoản 3 Điều 191 BLTTDS 2015 thì: *“Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày được phân công, Thẩm phán phải xem xét đơn khởi kiện và có một trong các quyết định sau đây:*

a) Yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện;

b) Tiến hành thủ tục thụ lý vụ án theo thủ tục thông thường hoặc theo thủ tục rút gọn nếu vụ án có đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục rút gọn quy định tại khoản 1 Điều 317 của Bộ luật này;

c) Chuyển đơn khởi kiện cho Tòa án có thẩm quyền và thông báo cho người khởi kiện nếu vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án khác;

d) Trả lại đơn khởi kiện cho người khởi kiện nếu vụ việc đó không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.”

Như vậy, có thể thấy BLTTDS 2015 chỉ quy định về việc thẩm phán được phân công giải quyết vụ án dân sự, được quyền chuyển từ TTRG sang thủ tục thông thường. Mà không có căn cứ pháp lý cho trường hợp ngược lại. Hệ quả này sẽ khiến cho những vụ án đơn giản rõ ràng, bị kéo dài thời gian giải quyết một cách không cần thiết. Do vậy quy định về thủ tục rút gọn trong BLTTDS 2015, cần được hoàn thiện theo hướng cụ thể hóa quy định, về chuyển đổi từ thủ tục tố tụng thông thường sang thủ tục tố tụng rút gọn theo yêu cầu của đương sự.¹⁷

6.3. Khiếu nại, kiến nghị về quyết định không xét xử vụ án theo thủ tục rút gọn.

Theo quy định tại Điều 319 BLTTDS 2015, thì trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục rút gọn, đương sự có quyền khiếu nại, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kiến nghị với Chánh án Tòa án đã ra quyết định đó .

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được khiếu nại, kiến nghị về quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục rút gọn, Chánh án Tòa án phải ra một trong các quyết định sau đây: Giữ nguyên quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục

¹⁷ Nguyễn Thị Hồng Nhung (2017), tldd (18), tr.185.

rút gọn; Hủy quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục rút gọn và chuyển vụ án sang giải quyết theo thủ tục thông thường.

Quyết định giải quyết khiếu nại, kiến nghị của Chánh án Tòa án là quyết định cuối cùng và phải được gửi ngay cho đương sự, Viện kiểm sát cùng cấp.

Về vấn đề này pháp luật Việt Nam có sự khác biệt so với pháp luật của Pháp, Đức, Nhật Bản. Theo kinh nghiệm của các nước này, thì sau khi Tòa án ra quyết định buộc thực hiện nghĩa vụ, thì người có nghĩa vụ có quyền phản kháng lại quyết định trong thời hạn luật định, và hậu quả của việc phản kháng này là vụ việc được giải quyết theo thủ tục thông thường.¹⁸ Ở các quốc gia này, Tòa án ra quyết định buộc thực hiện nghĩa vụ theo TTRG, là một quyết định về nội dung quyền, nghĩa vụ của đương sự “quyết định kết luận của Tòa án về hướng giải quyết tranh chấp”, trong khi đó quyết định đưa vụ án ra xét xử chỉ mới là quyết định về tố tụng, sau đó Tòa án vẫn phải bước tiếp theo đó là tiến hành mở phiên tòa để xét xử vụ án theo TTRG. Một điểm khác biệt khác, pháp luật nhiều nước quy định đương sự có quyền tự do lựa chọn theo thủ tục tố tụng thông thường, hoặc TTRG cho vụ tranh chấp của mình. Ví dụ, BLTTDS Nhật Bản năm 1998 quy định: “Đương sự có thể chọn Tòa án rút gọn để khởi kiện, nếu vụ việc của mình thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án này. Việc khởi kiện có thể thực hiện bằng lời nói, mà không cần phải nộp bằng văn bản đơn khởi kiện”.¹⁹

¹⁸ Trần Anh Tuấn (2017), Bình luận khoa học Bộ luật tố tụng dân sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2015, NXB Tư pháp, tr. 700.

¹⁹ Nguyễn Thị Hồng Nhung (2017), Thủ tục rút gọn trong Luật tố tụng dân sự của Nhật Bản, Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á, Số 3.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Qua nghiên cứu cơ sở lý luận về TTRG trong TTDS giải quyết các vụ án dân sự ở Tòa án cấp sơ thẩm, tác giả đi đến một số kết luận sau đây:

Thứ nhất, TTRG có thể được hiểu là một thủ tục đơn giản, gọn nhẹ hơn so với thủ tục tố tụng dân sự thông thường về thành phần giải quyết, trình tự, thủ tục và thời gian giải quyết tranh chấp, được áp dụng đối với một số loại tranh chấp nhỏ, đơn giản, chứng cứ rõ ràng, hoặc đương sự thừa nhận nghĩa vụ.

Thứ hai, về tính hiệu quả của TTRG: TTRG nhằm tiết kiệm thời gian và chi phí tố tụng cho đương sự, Tòa án và xã hội mà vẫn bảo đảm công lý, quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

Thứ ba, TTRG có những đặc điểm như sau: chỉ áp dụng giải quyết một số vụ án đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật; rút gọn về thành phần giải quyết vụ án; rút gọn trình tự, thủ tục hoặc giai đoạn tố tụng; rút gọn thời hạn giải quyết tranh chấp; không phải tuân thủ tất cả các nguyên tắc cơ bản được quy định trong BLTTDS 2015.

Thứ tư, thủ tục khởi kiện và thụ lý đối với vụ án được giải quyết theo TTRG, được thực hiện theo các quy trình chung về khởi kiện, và thụ lý vụ án dân sự theo thủ tục tố tụng thông thường. Điều này dẫn đến, việc xem xét áp dụng theo thủ tục rút gọn ngay từ đầu là khó khăn với thẩm phán, và không chính xác.

Thứ năm, khi phát sinh những tình tiết mới ở giai đoạn chuẩn bị xét xử làm cho vụ án không còn đủ điều kiện để áp dụng TTRG, thì sẽ chuyển vụ án sang giải quyết theo thủ tục thông thường. Tuy nhiên, lại không có quy định cho cơ chế ngược lại.

Thứ sáu, một điểm khác so với thủ tục thông thường là, đương sự được quyền khiếu nại, Viện kiểm sát được quyền kiến nghị với quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục rút gọn.

Thứ bảy, kinh nghiệm của nhiều nước trên thế giới cho thấy, ngoài tiêu chí giá ngạch thấp, một tranh chấp được giải quyết bởi TTRG là tranh chấp đơn giản mà không phụ thuộc vào giá trị tranh chấp. Về cơ chế chuyển thủ tục tố tụng để giải quyết

vụ án, một số nước quy định phải kèm theo yêu cầu của đương sự, thì Tòa án mới có quyền chuyển thủ tục.

Từ các kết luận trên đây, trong Chương 2 tiếp theo, sẽ đánh giá thực tiễn áp dụng các quy định TTRG trong quá trình giải quyết các vụ án dân sự và đánh giá việc giải quyết các vụ án đó tại các Tòa án sơ thẩm ở Thành phố Hồ Chí Minh. Làm cơ sở để đưa ra các đề xuất, kiến nghị hoàn thiện pháp luật về TTRG trong Chương 3 của khóa luận.

CHƯƠNG 2: THỰC TIỄN ÁP DỤNG THỦ TỤC RÚT GỌN ĐỀ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN DÂN SỰ Ở CÁC TÒA ÁN SƠ THẨM TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH VÀ ĐỀ XUẤT KIẾN NGHỊ

1. Thực tiễn áp dụng thủ tục rút gọn để giải quyết vụ án dân sự tại Tòa án sơ thẩm ở Thành phố Hồ Chí Minh

Bảng số liệu tình hình thụ lý, giải quyết vụ việc các loại của Tòa án nhân dân hai cấp ở Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2017 đến năm 2020:

Năm	2017	2018	2019	2020
Thụ lý (vụ)	69075	75519	62839	62318
Giải quyết (vụ)	52973	61128	49034	49190
Tỷ lệ (%)	76,69	80,94	78,03	78,93

Theo số liệu thống kê tại các Hội nghị tổng kết công tác ngành Tòa án tại Thành phố Hồ Chí Minh, trong thời gian từ năm 2017 đến năm 2020, tỷ lệ các vụ việc mà Tòa án phải giải quyết hàng năm là cao. Các số liệu thống kê cũng cho thấy, tỷ lệ giải quyết xong các vụ án dân sự tại cả hai cấp sơ thẩm, và phúc thẩm trong những năm gần đây có xu hướng thấp đi. Điều đó có thể lý giải, bởi sự gia tăng khối lượng các tranh chấp dân sự, và quá tải trong hoạt động xét xử. Trong tổng số các vụ án mà toàn hệ thống Tòa án thụ lý giải quyết nêu trên, có không ít những vụ án có chứng cứ rõ ràng, nội dung tranh chấp đơn giản, bị đơn thừa nhận nghĩa vụ hoặc không phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vụ án có giá ngạch thấp nhưng vẫn phải giải quyết theo trình tự thủ tục thông thường gây mất thời gian, tiền bạc, công sức của cơ quan tố tụng và các đương sự. Tuy nhiên, tỷ lệ giải quyết các vụ án dân sự ở Tòa án cấp sơ thẩm ở Thành phố Hồ Chí Minh là rất thấp.

Mặc dù BLTTDS 2015 đã có quy định về việc giải quyết vụ án theo thủ tục rút gọn, và thực tiễn có nhiều vụ án đủ điều kiện giải quyết theo thủ tục rút gọn, nhưng phần lớn các thẩm phán chọn giải quyết vụ án theo thủ tục thông thường. Do vậy thực tế rất ít vụ án giải quyết theo thủ tục rút gọn. Ví dụ một vài trường hợp có thể giải quyết theo thủ tục rút gọn như:

Vụ án tranh chấp về tiền hụi: thực tiễn cho thấy đa số các vụ án tranh chấp về tiền hụi đều được Tòa án hòa giải thành ngay lần hòa giải đầu tiên.

Vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản mà bị đơn đã ký biên nhận nợ rõ ràng hoặc tranh chấp đã được hòa giải ở cơ sở, bị đơn thừa nhận nợ nhưng không trả nợ như cam kết. Đối với những vụ án như thế này thì thẩm phán thường hòa giải thành ngay từ lần hòa giải lần đầu.

Lý do thẩm phán hòa giải thành các vụ án nêu trên là vì bị đơn phần lớn là thừa nhận nợ và đồng ý trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của bị đơn. Những vụ án này, Tòa án không cần phải thu thập thêm tài liệu, chứng cứ gì khác. Rõ ràng đối chiếu với quy định tại Điều 317 của BLTTDS thì, các vụ án này đã đủ điều kiện giải quyết theo thủ tục rút gọn. Khi giải quyết vụ án đương sự được giảm 50% án phí so với án phí giải quyết vụ án theo thủ tục thông thường.

Qua nghiên cứu, sở dĩ thẩm phán lựa chọn giải quyết những vụ án nêu trên theo thủ tục thông thường, mà không chọn giải quyết vụ án theo thủ tục rút gọn là vì những lý do sau:

Thứ nhất: việc giải quyết vụ án theo thủ tục rút gọn khẩn trương hơn, có ít thời gian cho công tác chuẩn bị phiên tòa hơn so với thời hạn giải quyết theo thủ tục thông thường.

Thứ hai: khi hòa giải thành trong thủ tục thông thường, thì quyết định công nhận sự thỏa thuận của đương sự không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm, giữ được sự an toàn nghiệp vụ và đánh giá thi đua cho thẩm phán.

2. Đánh giá thực tiễn áp dụng thủ tục rút gọn tại Tòa án sơ thẩm ở Thành phố Hồ Chí Minh

Trong phần này, sẽ phân tích và đánh giá thực trạng Tòa án giải quyết một số tranh chấp thuộc đối tượng có thể áp dụng TTRG, để từ đó minh chứng rằng việc áp dụng thủ tục rút gọn là xuất phát nhu cầu thực tiễn.

2.1. Đối với tranh chấp mà đương sự thừa nhận toàn bộ nghĩa vụ.

Thứ nhất, nhóm các vụ án mà bị đơn đã thừa nhận hoàn toàn nghĩa vụ, chậm thực hiện nghĩa vụ mà không có tranh chấp gì.

Ví dụ: vụ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam kiện Trần Thị Kim Hoa và Nguyễn Văn Thắng,²⁰ theo đó bị đơn thừa nhận hoàn toàn nghĩa vụ thanh toán 3.739.854.167 đồng là nợ gốc, và lãi cho nguyên đơn, nhưng đề nghị nguyên đơn cho thanh toán làm nhiều đợt trong thời hạn sáu tháng.

Thứ hai, nhóm các vụ án mà bị đơn mặc dù thừa nhận toàn bộ nghĩa vụ, nhưng không thực hiện được nghĩa vụ, vì không có khả năng thanh toán, khả năng thực hiện nghĩa vụ, hoặc đơn giản là không có thiện chí thực hiện nghĩa vụ.

Ví dụ: vụ Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng Đông Dương kiện Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại Đình Nguyễn,²¹ nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền thuê giàn giáo và phụ kiện sử dụng tại công trình xây dựng còn thiếu là 740.881.038 đồng, và bị đơn thừa nhận toàn bộ nghĩa vụ nhưng không đưa ra bất kỳ lý do nào về việc không thực hiện nghĩa vụ của mình.

2.1.1. Đánh giá về tính chất đơn giản của vụ án qua việc thừa nhận nghĩa vụ.

Qua các vụ án nêu trên, tính đơn giản được hiểu chính là sự thật khách quan của vụ án đã rõ, và Tòa án chỉ cần kiểm tra tính hợp pháp của yêu cầu khởi kiện. Việc bị đơn thừa nhận nghĩa vụ của mình, có thể được thể hiện trong chính hồ sơ kèm theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, tại ý kiến của bị đơn về việc thụ lý vụ án, hoặc trong quá trình giải quyết vụ án.

2.1.2. Đánh giá về thành phần tham gia giải quyết.

²⁰ Theo Bản án số: 46/2014/KDTM-ST ngày: 21-5-2014 của TAND quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

²¹ Theo Bản án số: 192/2014/KDTM-ST ngày: 10-9-2014 của TAND quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong những vụ án nêu trên, Tòa chỉ cần kiểm tra tính hợp pháp của yêu cầu khởi kiện. Hầu hết các vụ án thuộc loại này, cuối cùng Tòa án cũng chỉ ra quyết định chấp nhận toàn bộ hoặc cơ bản các yêu cầu khởi kiện, nhưng vẫn phải đảm bảo việc xét xử bởi một hội đồng xét xử gồm một thẩm phán và hai Hội thẩm nhân dân, và có thể có sự tham gia của đại diện Viện kiểm sát.

Thực tế xét xử, có các vụ án đã có sự thừa nhận hoàn toàn từ phía bị đơn, Tòa án đã gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, nhưng vì theo quy định phải có Viện kiểm sát tham gia, nên Tòa án chỉ có thể tiến hành phiên tòa khi có mặt của Kiểm sát viên. Tuy nhiên với tính chất của các vụ án như vậy, những “đóng góp” của Viện kiểm sát trong các trường hợp này dường như rất hạn chế. Ví dụ, trong vụ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam kiện Trần Thị Kim Hoa và Nguyễn Văn Thắng (đã viện dẫn ở trên), ý kiến của Viện kiểm sát chỉ giới hạn như sau: “Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án thấy rằng, thẩm phán đã thực hiện đúng nội dung quy định tại Điều 41 Bộ luật tố tụng dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án về thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng, cũng như thời hạn gửi các văn bản tố tụng, hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu.”

Như vậy, việc gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, và sự tham gia của Viện kiểm sát tại phiên tòa cũng chỉ giới hạn ở việc kiểm tra tính hợp pháp của các yêu cầu khởi kiện và trình tự, tố tụng chứ không có ý kiến về nội dung, và đề xuất về phương án giải quyết vụ án vì bị đơn đã thừa nhận nghĩa vụ. Đối với các vụ án này, hoàn toàn có cơ sở để rút gọn thành phần xét xử, chỉ cần một thẩm phán giải quyết. Điều này sẽ giúp cho vụ án được giải quyết nhanh gọn, đỡ tốn kém hơn mà kết quả giải quyết vụ án vẫn đúng pháp luật, và đảm bảo công lý.

2.1.3. Đánh giá về trình tự, thủ tục và thời hạn tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm.

Việc triệu tập đương sự lấy lời khai và tiến hành hòa giải, thì Tòa án phải mất khá nhiều thời gian. Trong vụ Ngân hàng Thương mại Kỹ thương Việt Nam kiện Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Thương mại Xuân Định,²² TAND Quận 3 Thành phố Hồ

²² Theo Bản án số: 26 /2014/KDTM-ST ngày: 06-8-2014 của TAND quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chí Minh thụ lý vụ án từ ngày 10-2- 2014, nhưng phải mất sáu tháng để tiến hành hòa giải, thu thập chứng cứ, lấy lời khai.

Tương tự, trong vụ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Petrolimex kiện ông Nguyễn Quốc Thanh – Chủ doanh nghiệp tư nhân thương mại Vạn Phúc,²³ thụ lý ngày 31-1-2013 và được TAND Quận 2 Thành phố Hồ Chí Minh xét xử ngày 23-1-2014. Đúng gần một năm sau kể từ ngày thụ lý, TAND Quận 2 Thành phố Hồ Chí Minh mới thực hiện xong các công việc lấy lời khai, và hòa giải để quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Đa số các trường hợp việc hòa giải đều không thành, mặc dù bị đơn thừa nhận hoàn toàn yêu cầu của nguyên đơn. Nhưng các bên không thống nhất được với nhau về phương thức thực hiện nghĩa vụ, hoặc nguyên đơn không chấp nhận các đề nghị của bị đơn về việc giảm bớt nghĩa vụ của bị đơn. Và như vậy, việc triệu tập bị đơn đến lấy lời khai, và hòa giải nhiều lần cũng chỉ là những thủ tục mang tính hình thức.

Trong nhiều trường hợp, bị đơn không thể phản đối các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng cố tình trì hoãn việc xét xử bằng việc vắng mặt tại các lần triệu tập và tại phiên tòa. Ví dụ: vụ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn kiện Công ty TNHH Thăng Nam,²⁴ thụ lý ngày 31-7-2013. Tòa án phải mất sáu tháng kể từ ngày thụ lý để triệu tập bị đơn đến hòa giải, lấy lời khai và đến phiên tòa, nhưng bị đơn đều viện cớ vắng mặt. Tòa án phải hoãn phiên hòa giải, hoãn phiên tòa làm cho thời gian giải quyết vụ án bị kéo dài.

Như vậy, thực trạng giải quyết một số loại vụ án dân sự khi bị đơn đã thừa nhận hoàn toàn nghĩa vụ, nhưng vì nhiều lý do khác nhau bị đơn không thực hiện nghĩa vụ, nhưng Tòa án vẫn phải tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Như vẫn phải bảo đảm việc hòa giải, cho dù đa số trường hợp là mang tính hình thức, không thực sự cần thiết. Do đó, việc thực hiện các trình tự, thủ tục tố tụng chung, và thời hạn giải quyết các vụ án đó trên thực tế đều từ ít nhất là năm tháng trở lên, thậm chí có vụ đến cả một năm, là những bất cập phổ biến của tố tụng hiện hành.

2.2. Đối với tranh chấp đơn giản, giá ngạch thấp và chứng cứ rõ ràng.

²³ Theo Bản án số: 01/2014/KDTM-ST ngày: 23-01-2014 của TAND quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

²⁴ Theo Bản án số: 05/2014/KDTM-ST ngày: 23-01-2014 của TAND quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tương tự về các vụ án mà đương sự thừa nhận nghĩa vụ, dưới đây là nội dung đánh giá, phân tích các vụ án đơn giản, giá ngạch thấp và chứng cứ rõ ràng về (i) cách xác định tính chất đơn giản, giá ngạch thấp và chứng cứ rõ ràng như là một tiêu chí để có thể áp dụng TTRG; (ii) thành phần tham gia giải quyết các vụ án này; và (iii) trình tự, thủ tục giải quyết các vụ án đó có rườm rà, phức tạp không cần thiết hay không.

2.2.1. Đánh giá về tính chất đơn giản, giá ngạch thấp và chứng cứ rõ ràng.

Thứ nhất, về tính chất đơn giản của vụ án. Ngoài việc xác định một tranh chấp có đơn giản hay không, phụ thuộc vào việc đánh giá mức độ phức tạp của việc áp dụng pháp luật. Hệ quả pháp lý của việc áp dụng pháp luật, hoặc tác động của việc giải quyết tranh chấp đó đối với đương sự của vụ án, còn có yếu tố đơn giản trong việc xác định sự thật khách quan của vụ án.

Thứ hai, về xác định giá ngạch thấp. Việc xác định giá ngạch thấp còn phụ thuộc vào một số yếu tố khác như: tính chất, quy mô của giao dịch, và đối tượng tham gia giao dịch. Ví dụ: có thể khoản vay 100.000.000 đồng trong hợp đồng tín dụng giữa một cá nhân và tổ chức tín dụng, là lớn đối với cá nhân nhưng lại là nhỏ giữa một doanh nghiệp với tổ chức tín dụng.

Thứ ba, về việc xác định chứng cứ rõ ràng, đây là vấn đề phụ thuộc vào từng vụ án cụ thể, và cách đánh giá chủ quan của thẩm phán dựa trên các tài liệu, chứng cứ mà đương sự xuất trình cho Tòa án.

Ở nước ta không thể chỉ dựa vào giá ngạch thấp để xác định vụ án đó đơn giản, và có thể được giải quyết theo TTRG như nhiều nước trên thế giới, đã có phân tích ở Chương 1 mà còn phải dựa vào tính chất của từng vụ án. Ví dụ: liệu kết quả giải quyết có ảnh hưởng danh tiếng, uy tín kinh doanh hoặc có hệ quả về tài sản, kinh tế, vật chất khác đối với đương sự, mức độ phức tạp về mặt pháp lý liên quan đến tranh chấp.

2.2.2. Đánh giá về thành phần tham gia giải quyết tranh chấp.

Trong vụ Công ty TNHH quản lý và kinh doanh bất động sản Phố Cảnh kiện Công ty TNHH Dịch vụ bảo vệ Thanh niên xung phong,²⁵ khởi kiện ngày 20-10-2012,

²⁵ Theo Bản án số: 14/2013/KDTM-ST ngày: 7-3-2013 của TAND quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải bồi hoàn cho nguyên đơn số tiền 98.000.000 đồng, là giá trị chiếc xe máy bị mất của nguyên đơn, do bị đơn đảm nhiệm việc trông giữ theo hợp đồng với nguyên đơn mà nguyên đơn đã bồi thường cho người gửi xe.

Bị đơn cho rằng nguyên đơn cũng phải chịu trách nhiệm về việc mất mát này, vì vào thời điểm bị mất xe, cũng có nhân viên an ninh bảo vệ của nguyên đơn đang làm việc. Bị đơn cũng cho rằng, hợp đồng giữa nguyên đơn và bị đơn không quy định về nghĩa vụ của bị đơn phải trông giữ xe máy (hợp đồng đó chỉ quy định bị đơn có trách nhiệm bảo vệ tài sản cho nguyên đơn tại bãi xe).

Như vậy, trong vụ án này, tất cả các tình tiết khách quan của vụ án đã rõ ràng. Tòa án chỉ cần nhận định, và đưa ra phán xét về trách nhiệm của bị đơn dựa theo hợp đồng và các quy định của pháp luật. Tuy nhiên, mãi đến ngày 7- 3-2013 Tòa án mới mở phiên tòa xét xử, và quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chỉ dựa trên lập luận rằng: (i) trách nhiệm của bị đơn về việc bảo vệ tài sản có nghĩa là bao gồm cả nghĩa vụ trông giữ xe máy; và (ii) việc nhân viên bảo vệ của nguyên đơn, không có nghĩa vụ bảo vệ tài sản đã được giao cho bị đơn trông giữ theo hợp đồng.

Từ những phân tích trên cho thấy, trong vụ án này không cần thiết phải mất nhiều thời gian, và cần cả một Hội đồng xét xử chỉ để ghi nhận trách nhiệm của bị đơn theo thỏa thuận trong hợp đồng. Sự có mặt của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa trong trường hợp này cũng chỉ mang tính hình thức.

2.2.3. Đánh giá về trình tự, thủ tục và thời hạn giải quyết.

Trong các vụ án đơn giản, giá ngạch thấp, chứng cứ rõ ràng, mặc dù về bản chất các đương sự vẫn còn có tranh chấp nội dung khởi kiện. Nhưng trên thực tế, hồ sơ đã đầy đủ chứng cứ để có thể xác định được sự thật khách quan của vụ án, và giải quyết được tranh chấp mà không cần thiết phải triệu tập đương sự đến lấy lời khai, hoặc tổ chức các buổi hòa giải trong quá trình chuẩn bị xét xử.

2.3. Đối với tranh chấp đơn giản, chứng cứ rõ ràng nhưng giá ngạch lớn.

Trên thực tế có khá nhiều tranh chấp giá trị lớn, nhưng tính chất của tranh chấp đơn giản về mặt áp dụng pháp luật, và chứng cứ rõ ràng để xác định sự thật khách quan của vụ án.

2.3.1. Đánh giá về tính chất đơn giản, giá ngạch thấp và chứng cứ rõ ràng.

Trong vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 179/2012/TLST-KDTM ngày 27-11-2012,²⁶ nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn đã khởi kiện bị đơn là Công ty TNHH Lắp ráp điện tử Thương mại Kỹ thuật Sáng Tạo ra TAND Quận 3 TP.Hồ Chí Minh, để yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền lãi 2.628.614.536 đồng (gồm lãi trong hạn và lãi quá hạn). Số tiền này phát sinh liên quan đến Hợp đồng tín dụng số 140.0607.11-B, với số tiền vay vốn là 4,8 tỷ đồng giữa nguyên đơn và bị đơn vào ngày 02-3-2011. Trong vụ này, bị đơn phản đối yêu cầu thanh toán lãi của nguyên đơn, vì cho rằng, nguyên đơn không được tính lãi quá hạn đối với bị đơn. Đồng thời, bị đơn cũng đề nghị nguyên đơn điều chỉnh lại lãi suất cho phù hợp với lãi suất trung bình trên thị trường. Ngày 22-4-2014, TAND Quận 3 TP.Hồ Chí Minh đã ra bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn và bác bỏ phản đối của bị đơn.

Trong vụ án nêu trên, giữa nguyên đơn và bị đơn có hợp đồng tín dụng cụ thể, rõ ràng và các khoản vay đã được giải ngân. Do đó, bị đơn khó có thể chối cãi trách nhiệm đối với các khoản nợ của mình đối với nguyên đơn. Vấn đề còn lại của tranh chấp, là ở chỗ xác định lãi suất cho phù hợp theo quy định của pháp luật. Vấn đề pháp lý trong trường hợp này, theo tác giả, không phức tạp. Do đó, tính chất của vụ án là đơn giản về mặt pháp lý, và chứng cứ rõ ràng. Tuy nhiên, việc xác định tính chất đơn giản và chứng cứ rõ ràng của vụ án, là hoàn toàn phụ thuộc vào việc tranh chấp còn tồn tại giữa các bên, quan hệ pháp lý của tranh chấp và nhận thức chủ quan của Tòa án.

Vì vậy, tương tự như các tranh chấp đơn giản, giá ngạch thấp và chứng cứ rõ ràng, thì trong vụ án có giá ngạch lớn, các đương sự cũng cần có được cơ hội để cho ý kiến về việc áp dụng thủ tục tố tụng phù hợp (thủ tục tố tụng thông thường hay TTRG). Do đó, đối với các tranh chấp có giá trị lớn, và việc quyết định áp dụng thủ tục tố

²⁶ Theo Bản án sơ thẩm số 10/2014/KDTM-ST của Tòa án nhân dân quận 3 - Thành phố Hồ Chí Minh ngày 22-4-2014.

tụng nào sẽ có thể ảnh hưởng đến kết quả giải quyết của vụ án. Vì án phí của các vụ án đó cũng không nhỏ, nên cần áp dụng TTRG để giảm thiểu chi phí tố tụng khi có yêu cầu, hoặc sự đồng ý của các đương sự.

2.3.2. Đánh giá về thành phần tham gia giải quyết tranh chấp.

Trong trường hợp có sự đồng thuận của các đương sự về tính chất đơn giản, chứng cứ rõ ràng của vụ án và Tòa án cũng xét thấy là đúng, thì cũng không cần thiết phải huy động tập thể Hội đồng xét xử để giải quyết tranh chấp.

Ngoài ra, cũng không cần thiết phải có sự tham gia của Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm xét xử vụ án này, cũng như phiên tòa phúc thẩm nếu không phải do Viện kiểm sát kháng nghị. Bởi lẽ, trong việc giải quyết các tranh chấp đơn giản, và chứng cứ đã rõ ràng nên việc kiểm sát có thể thực hiện bản án và hồ sơ vụ án.

2.3.3. Đánh giá về trình tự, thủ tục và thời hạn giải quyết tranh chấp.

Về trình tự, thủ tục và thời hạn giải quyết các vụ án loại này, về bản chất không có gì khác biệt so với các tranh chấp đơn giản, chứng cứ rõ ràng và giá ngạch thấp như đã phân tích ở trên. Giá ngạch thấp hay lớn trong các vụ án đơn giản, chứng cứ rõ ràng không ảnh hưởng đến việc quyết định về trình tự, thủ tục và thời hạn giải quyết tranh chấp.

3. Các đề xuất kiến nghị về quy định thủ tục rút gọn

3.1. Ban hành văn bản hướng dẫn áp dụng thủ tục rút gọn trong TTDS.

3.1.1. Hướng dẫn cụ thể hơn về điều kiện áp dụng thủ tục rút gọn liên quan “tình tiết mới”, quy định tại Điều 317 của BLTTDS 2015;

3.1.2. Quy định đầy đủ hơn về trình tự thụ lý, xem xét và xử lý vụ án thuộc đối tượng áp dụng TTRG; trình tự khiếu nại, kiến nghị liên quan;

3.2. Sửa đổi, bổ sung Bộ luật tố tụng dân sự 2015 về phân thủ tục rút gọn áp dụng giải quyết vụ án dân sự.

3.2.1. Mở rộng tiêu chí xác định loại vụ án được giải quyết theo thủ tục rút gọn.

Dưới góc độ luật thực định thì thấy, các quy định về điều kiện áp dụng TTRG theo quy định của BLTTDS 2015, có sự khác biệt so với quy định về TTRG trong

pháp luật các quốc gia phát triển. Mặc dù, BLTTDS 2015 đã đề cập khá đầy đủ về các tiêu chí xác định loại vụ án được giải quyết theo TTRG. Tuy nhiên, tiêu chí giá trị tranh chấp (giá ngạch) lại không được xác định cụ thể để áp dụng TTRG. Thực tiễn giải quyết tranh chấp có tình tiết đơn giản, chứng cứ rõ ràng, hoặc các bên đã thừa nhận nghĩa vụ và tài liệu chứng cứ đã được cung cấp đầy đủ, rõ ràng thì thường là tranh chấp có giá trị thấp.

Nên cần bổ sung tiêu chí về giá trị tranh chấp cụ thể, khi xác định loại vụ án được giải quyết theo TTRG vào BLTTDS 2015. Điều này là phù hợp với thực tiễn hoạt động xét xử của Tòa án theo pháp luật chuyên ngành, và theo xu thế pháp luật các quốc gia phát triển. Cụ thể là, đề nghị sửa đổi, bổ sung Điều 317 BLTTDS 2015 như sau:

“Tòa án áp dụng thủ tục rút gọn để giải quyết các vụ án dân sự khi có đủ các điều kiện sau đây:

Vụ án có giá trị tranh chấp dưới 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), vụ án đơn giản, tài liệu, chứng cứ rõ ràng, đương sự đã thừa nhận nghĩa vụ, đủ cơ sở giải quyết và Tòa án không phải thu thập tài liệu, chứng cứ; các đương sự đều có nơi cư trú rõ ràng; không có yếu tố nước ngoài;

Vụ án có giá trị tranh chấp từ 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) trở lên; các đương sự đã thừa nhận về nghĩa vụ; tài liệu, chứng cứ rõ ràng và Tòa án không phải thu thập tài liệu, chứng cứ; các đương sự đều có nơi cư trú rõ ràng; không có yếu tố nước ngoài; người khởi kiện hoặc các đương sự đề nghị áp dụng thủ tục rút gọn;

Không có đương sự cư trú ở nước ngoài, tài sản tranh chấp ở nước ngoài, trừ trường hợp đương sự ở nước ngoài và đương sự ở Việt Nam có thỏa thuận đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục rút gọn hoặc các đương sự đã xuất trình được chứng cứ về quyền sở hữu hợp pháp tài sản và có thỏa thuận thống nhất về việc xử lý tài sản”.

3.2.2. Quyền lựa chọn áp dụng TTRG của đương sự.

BLTTDS 2015 quy định thẩm quyền lựa chọn việc áp dụng TTRG thuộc về thẩm phán. Có thể suy luận, đương sự không được quyền tự do lựa chọn việc áp dụng TTRG và thủ tục thông thường. Theo các nhà bình luận BLTTDS 2015 thì, quy định tại khoản 1 Điều 318 về quyết định đưa vụ án ra xét xử chỉ mới là quyết định về tố tụng, sau đó Tòa án vẫn phải thực hiện các bước tiếp theo, cho đến mở phiên tòa xét xử vụ án theo TTRG. Với quy định này, việc tiếp cận TTRG của người dân vẫn còn khó khăn, chưa thể hiện đầy đủ quyền tự định đoạt của họ, do quy định của BLTTDS 2015 chưa hợp lý về vấn đề này, dẫn tới khó khăn trong quá trình thực hiện TTRG. Xuất phát từ nguyên tắc tự do, tự nguyện, cam kết thoả thuận là nguyên tắc cơ bản, quan trọng của pháp luật dân sự và để bảo đảm quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự, pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam cần sửa đổi theo hướng, cho phép đương sự được tự do lựa chọn việc áp dụng TTRG hay thủ tục thông thường khi giải quyết vụ án dân sự của họ. Bên cạnh việc quy định đương sự có quyền quyết định, hoặc thoả thuận lựa chọn thủ tục tố tụng để giải quyết vụ án, Tòa án xem xét các điều kiện áp dụng và ra quyết định áp dụng thủ tục hay không.

Tham khảo kinh nghiệm lập pháp ở các nước Nhật Bản, CHLB Đức thì thấy họ đã có cách tiếp cận tương tự. Ở CHLB Đức, với những trường hợp thuộc phạm vi được xét xử theo thủ tục rút gọn, các đương sự vẫn có quyền lựa chọn được xét xử theo thủ tục rút gọn hoặc theo thủ tục tố tụng thông thường. Bộ luật Tố tụng Dân sự CHLB Đức cho phép, chủ nợ được tự do lựa chọn giữa thủ tục tố tụng thông thường với thủ tục tố tụng rút gọn.²⁷ Ở Nhật Bản, BLTTDS năm 1998 quy định bốn loại thủ tục giản lược. Những thủ tục này có thể là được lựa chọn và không bắt buộc. Thông thường, các đương sự không có bất kỳ thông tin nào về TTRG có sẵn. Vì vậy, nhiều Tòa án rút gọn độc lập có bản thông tin, nơi Thư ký Tòa án sẽ nghe đương sự tóm tắt các vụ tranh chấp, hỏi họ muốn giải quyết chúng như thế nào, và giải thích cho họ các loại thủ tục mà họ nên lựa chọn.²⁸

3.2.3. Khi xem xét đơn khởi kiện, bên cạnh việc người khởi kiện phải nộp những tài liệu chứng cứ theo quy định của BLTTDS 2015, Tòa án cần

²⁷ Nguyễn Thị Thụy Thủy (2011), Khả năng áp dụng thủ tục rút gọn trong tố tụng dân sự ở Việt Nam, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, Số 12(284), tr.37-42.

²⁸ Nguyễn Thị Hồng Nhung (2017), tldd (18), tr.159.

hướng dẫn, yêu cầu họ phải nộp thêm các tài liệu chứng minh bị đơn, và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (nếu có) về việc thừa nhận nghĩa vụ của họ đối với người khởi kiện.

Đề nghị bổ sung quy định cho phép việc áp dụng thủ tục rút gọn không phải từ khi thụ lý vụ án, mà áp dụng trong quá trình giải quyết vụ án. Bởi vì, khi các đương sự có mặt tại Tòa án qua quá trình giải quyết đã làm sáng tỏ nội dung vụ án, trên cơ sở đó thẩm phán thụ lý xem xét vụ án đã rõ ràng, có tinh tiết đơn giản, đương sự đã thừa nhận nghĩa vụ, không phải thu thập thêm chứng cứ... Nếu đủ điều kiện áp dụng thủ tục rút gọn theo quy định tại khoản 1 Điều 317 BLTTDS 2015, và các bên đương sự không có phản đối, thì thẩm phán tiến hành áp dụng thủ tục rút gọn, nhưng vẫn đảm bảo thời gian giải quyết vụ án theo thủ tục rút gọn. Trong nội dung Thông báo thụ lý vụ án không cần thiết ghi “Vụ án được thụ lý theo thủ tục thông thường hay thủ tục rút gọn”. Khi xét thấy đủ điều kiện áp dụng thủ tục rút gọn, thẩm phán sẽ ban hành quyết định áp dụng thủ tục rút gọn để giải quyết vụ án.

Ví dụ: trong vụ án ban đầu bị đơn không thừa nhận toàn bộ nghĩa vụ, nhưng trong quá trình lấy lời khai, tiến hành hòa giải, mà bị đơn thừa nhận toàn bộ các yêu cầu của nguyên đơn, cần phải quy định cho phép ngay tại thời điểm đó Tòa án ban hành quyết định áp dụng TTRG.

3.2.4. Xây dựng quy định có tính bắt buộc đi kèm chế tài xử lý trách nhiệm đối với thẩm phán, khi có đủ điều kiện nhưng không áp dụng thủ tục rút gọn để giải quyết.

Để mục đích tốt đẹp của quy định giải quyết các vụ án theo thủ tục rút gọn không bị triệt tiêu trong thực tiễn áp dụng, Tòa án nhân dân tối cao (TANDTC) cần ban hành quy định, theo đó có chấm điểm thi đua của cơ quan, của thẩm phán trong giải quyết vụ án theo thủ tục rút gọn. Quy định về cơ chế kiểm soát việc áp dụng thủ tục rút gọn của thẩm phán, từ thời điểm nhận đơn khởi kiện, và thụ lý thông qua kết quả xử lý đơn khởi kiện trong sổ nhận đơn, qua việc thông báo cho người khởi kiện biết việc áp dụng hoặc không áp dụng theo thủ tục rút gọn. Đây cũng là cơ sở để người dân thực hiện quyền khiếu nại đối với quyết định của Tòa án, trong việc áp dụng hay không áp dụng thủ tục rút gọn khi giải quyết tranh chấp của họ.

3.2.5. Bổ sung các quy định, giải pháp nhằm ngăn chặn, hạn chế việc tùy tiện chuyển trở lại từ TTRG về lại thủ tục thông thường, tạo tiền đề cho việc áp dụng thủ tục rút gọn trong thực tiễn được thuận lợi hơn, tránh những thay đổi bất thường, tùy ý chủ quan. Ví dụ: nếu các bên đương sự đã lựa chọn TTRG, thì không được tự ý thay đổi lựa chọn này, nếu không có những lý do hợp lý cụ thể, hoặc các cơ chế tinh tiết mới để chuyển đổi thủ tục của vụ án được Tòa án chấp nhận.

3.2.6. Bổ sung quy định cho phép Tòa án có thẩm quyền chuyển từ thủ tục tố tụng thông thường sang giải quyết theo thủ tục tố tụng rút gọn, nếu trong quá trình giải quyết vụ án, mà xét thấy vụ án thỏa mãn các điều kiện để áp dụng thủ tục tố tụng rút gọn.

Cụ thể “Trong quá trình giải quyết vụ án theo thủ tục thông thường mà xét thấy vụ án có đủ điều kiện để áp dụng thủ tục rút gọn, mà các bên đương sự không có phản đối, thì Tòa án ra quyết định chuyển vụ án sang giải quyết theo thủ tục rút gọn và quyết định phải được gửi cho đương sự, Viện kiểm sát cùng cấp.

Trường hợp chuyển vụ án sang giải quyết theo thủ tục rút gọn thì trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày ra quyết định chuyển vụ án sang giải quyết theo thủ tục rút gọn, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án phải ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục rút gọn và mở phiên tòa xét xử trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày ra quyết định.”

3.2.7. Sửa đổi khoản 3 Điều 317 BLTTDS 2015 theo hướng, đối với các tình tiết mới như: áp dụng một số biện pháp khẩn cấp tạm thời, phát sinh người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phát sinh yêu cầu phân tố hoặc yêu cầu độc lập... Khi xuất hiện các tình tiết này trong giai đoạn chuẩn bị xét xử vụ án theo thủ tục rút gọn, nhưng lại không làm vụ án trở nên phức tạp, và vẫn đảm bảo được các điều kiện áp dụng, thì Tòa án vẫn có quyền giải quyết vụ án theo thủ tục rút gọn.

3.2.8. Bổ sung các quyền cho Viện kiểm sát trong vai trò kiểm sát trình tự, thủ tục, chất lượng tố tụng của Tòa án trong việc giải quyết vụ án dân sự theo thủ tục rút gọn, như: được quyền kiến nghị đối với thông báo thụ lý vụ án theo thủ tục tố tụng rút gọn của Tòa án. Bởi lẽ, trong trường hợp

sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, thấy có những điểm cần phải có thời gian nghiên cứu, làm rõ, đánh giá thẩm định một cách chính xác, Viện Kiểm sát sẽ có quyền kiến nghị với Tòa án về việc thụ lý vụ án theo thủ tục rút gọn ngay, chứ không cần phải đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử mới có quyền kiến nghị; quyền kiến nghị chuyển vụ án sang thụ lý và xét xử theo thủ tục thông thường, nếu thấy điều kiện giải quyết theo TTRG không bảo đảm, kể cả ở tại phiên tòa sơ thẩm hoặc phúc thẩm.

3.2.9. Sửa đổi, bổ sung Điều 319 BLTTDS 2015 theo hướng: giới hạn thêm ngày khiếu nại, kiến nghị từ 03 ngày lên 07 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định đưa vụ án ra xét xử theo TTRG cho đương sự và Viện kiểm sát.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Thông qua thực tiễn giải quyết các vụ án dân sự ở các Tòa án sơ thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh và việc đánh giá thực trạng giải quyết các vụ án dân sự tại Tòa án, xin phép đưa ra một số kết luận sau:

Thứ nhất, mặc dù hàng năm tòa án hai cấp ở Thành phố Hồ Chí Minh, thụ lý và giải quyết các loại vụ việc là rất lớn, nhưng số vụ án được giải quyết theo TTRG là rất hiếm. Trong đó số vụ án dân sự được giải quyết theo thủ tục rút gọn hầu như là không.

Thứ hai, việc tòa án giải quyết một số tranh chấp đơn giản, đương sự thừa nhận nghĩa vụ, chứng cứ rõ ràng, giá ngạch thấp cho thấy:

- i. Đối với các tranh chấp mà tất cả các đương sự thừa nhận nghĩa vụ theo yêu cầu khởi kiện.

Tính chất của các vụ án này là đơn giản về mặt áp dụng pháp luật, thì Tòa án chỉ cần kiểm tra tính hợp pháp của sự thừa nhận nghĩa vụ của các đương sự, xem việc thừa nhận đó có vi phạm điều cấm của pháp luật hoặc có trái đạo đức xã hội hay không. Do đó, nhiều hoạt động tố tụng (ví dụ: triệu tập đương sự để lấy lời khai, tiến hành hòa giải, xác minh, thu thập chứng cứ, tiến hành đối chất...) là không cần thiết và có thể bỏ qua trong quá trình chuẩn bị xét xử. Ngoài ra, vì tính chất của các tranh chấp đó là đơn giản, nên không cần thiết phải có Hội đồng xét xử, và sự tham gia của đại diện Viện kiểm sát để có thể giải quyết các loại tranh chấp đó.

- ii. Đối với các tranh chấp mà Tòa án cho rằng đơn giản về mặt áp dụng pháp luật, chứng cứ rõ ràng và giá ngạch thấp.

Tòa án có thể giải quyết đúng đắn các tranh chấp đó mà không cần thiết phải tiến hành tất cả các trình tự, thủ tục tố tụng và cũng không nhất thiết cần có sự tham gia của đại diện Viện kiểm sát. Tuy nhiên, vì các vụ án đó còn có sự tranh chấp về sự thật khách quan của vụ án, hoặc việc áp dụng pháp luật có thể dẫn đến hệ quả phức tạp... nên cần cho phép đương sự có ý kiến về việc áp dụng thủ tục tố tụng thông thường hay TTRG để giải quyết tranh chấp.

iii. Đối với các tranh chấp mà Tòa án cho rằng đơn giản về mặt áp dụng pháp luật, chứng cứ rõ ràng nhưng giá trị tranh chấp lớn.

Tương tự như các tranh chấp đơn giản và chứng cứ rõ ràng và giá ngạch thấp, việc giải quyết các tranh chấp đó hoàn toàn có thể thực hiện một cách đúng đắn theo quy định của pháp luật, với một thủ tục đơn giản, và gọn nhẹ là TTRG hơn là tiến hành theo thủ tục thông thường như hiện nay. Tuy nhiên, vì các tranh chấp loại này có giá trị lớn, và kết quả giải quyết tranh chấp có tác động không nhỏ đến lợi ích của các đương sự. Do đó, cần có sự đồng thuận của các đương sự trong việc xác định các tranh chấp đó là đơn giản, và chứng cứ rõ ràng, để có thể áp dụng TTRG thay vì thủ tục thông thường.

Và việc sửa đổi, bổ sung các tiêu chí về điều kiện của vụ án dân sự được áp dụng TTRG, song song với đó là các cơ chế chuyển đổi về lại thủ tục thông thường, hay cơ chế khiếu nại, kiến nghị trong TTRG... là theo hướng có lợi cho việc áp dụng TTRG. Có như vậy mới đảm bảo được tính khả thi các quy định của pháp luật về TTRG, và khai thác triệt để mục đích ý nghĩa, và tác dụng của việc áp dụng TTRG. Một số kiến nghị chính trong Chương 2 có thể được tóm tắt như sau:

Thứ nhất, nên quy định đối với vụ án đơn giản, có giá ngạch thấp cũng phải được xem là một trong những tiêu chí áp dụng TTRG để giải quyết.

Thứ hai, bổ sung thêm quyền đương sự được quyền lựa chọn áp dụng TTRG để giải quyết vụ án của mình.

Thứ ba, quy định cho phép thẩm phán quyết định áp dụng TTRG cho đến trước khi khai mạc phiên tòa xét xử vụ án đó, mà không giới hạn chỉ từ thời điểm thụ lý vụ án như trước kia.

Thứ tư, xây dựng các quy định có phần mang tính bắt buộc, và chế tài đối với thẩm phán trong việc áp dụng và giải quyết vụ án theo TTRG. Quy định có chấm điểm thi đua của cơ quan, của thẩm phán trong giải quyết án án theo thủ tục rút gọn.

Thứ năm, bổ sung các quy định, giải pháp nhằm ngăn chặn, hạn chế việc tùy tiện chuyển trở lại từ TTRG về lại thủ tục thông thường.

Thứ sáu, cho phép Tòa án có thẩm quyền chuyển vụ án từ thủ tục thông thường sang TTRG, nếu như vụ án thỏa mãn các điều kiện của thủ tục này.

Thứ bảy, sửa đổi, bổ sung các quy định về quyền khiếu nại, kiến nghị cho đương sự và Viện kiểm sát.

Ngoài ra, TTRG sẽ trở nên thực tiễn hơn khi, nhìn nhận “rút gọn”, không đơn thuần chỉ nhìn vào thời hạn chuẩn bị xét xử được rút ngắn mà vẫn có thể nhận thấy nội dung “rút gọn” khi các trình tự, thủ tục tố tụng tiếp sau đó vẫn được thực hiện theo hướng đơn giản, tinh gọn về thành phần tiến hành tố tụng, về trình tự tiến hành phiên tòa và có thể cả toàn bộ thủ tục phúc thẩm (nếu có) sau đó. Cần phát triển theo hướng, khi vụ án thỏa mãn một, hoặc một số trong các điều kiện về áp dụng TTRG, thì khi đó sẽ xem xét giải quyết vụ án vẫn theo thủ tục thông thường, nhưng sẽ áp dụng các điều kiện giải quyết rút gọn ở một giai đoạn hoặc một bước nào đó trong quá trình tố tụng vụ án. Đây là vấn đề linh hoạt để có thể rút ngắn thời hạn xét xử, giảm bớt các thủ tục xét không cần thiết khi giải quyết vụ án theo thủ tục thông thường. Vì nội dung của TTRG không nhất thiết phải là “rút gọn” tất cả các yếu tố thuộc về nội dung của thủ tục đó. Ví dụ: trong trường hợp đương sự không có nơi cư trú rõ ràng, hoặc có đương sự cư trú ở nước ngoài, tài sản tranh chấp ở nước ngoài, mặc dù thời gian giải quyết tranh chấp có thể không được “rút gọn” nhưng, theo tác giả, tranh chấp đó vẫn có thể giải quyết được theo TTRG bằng một thẩm phán. Giải pháp này, còn cho phép nâng cao tỷ lệ vụ án được xét xử theo TTRG vốn đang ở tình trạng khá đìu hiu hiện nay.

PHẦN KẾT LUẬN

Thực ra Chương XVIII từ Điều 316 đến Điều 324 của BLTTDS 2015, về giải quyết vụ án dân sự theo thủ tục rút gọn, là một bước tiến trong cải cách tư pháp với nhiều kỳ vọng của các nhà lập pháp. Mục đích là chước giảm thời gian, công sức, chi phí cho đương sự và Nhà nước trong lĩnh vực tố tụng dân sự ở Việt Nam hiện nay, góp phần giải quyết tồn đọng, quá hạn đối với các vụ án dân sự, bảo đảm tính kịp thời và hiệu quả trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người dân. Giải quyết nhanh chóng các tranh chấp, bất đồng nảy sinh trong xã hội nhằm ngăn chặn, hạn chế những tiêu cực của những vụ việc đó, góp phần bảo đảm cuộc sống, an ninh xã hội. Thực hiện cải cách tư pháp, là một trong những điều kiện bảo đảm thành công cho công cuộc đổi mới và hội nhập quốc tế của Việt Nam. Bảo đảm việc giải quyết các tranh chấp dân sự tại Tòa án một cách công bằng, liêm chính, kịp thời chính là một trong những nhân tố trọng tâm của công cuộc cải cách đó.

Tuy nhiên, do thực tiễn có nhiều biến động làm nảy sinh những tình huống mới, mà các nhà lập pháp chưa dự liệu một cách đầy đủ, nên việc áp dụng thủ tục rút gọn không được như mong đợi. Đó là, việc thẩm phán luôn muốn có thời gian dư giả để giải quyết vụ án được kỹ càng, nên xu hướng thiên về sử dụng thủ tục thông thường trong giải quyết các vụ án dân sự vẫn là phổ biến hơn cả. Mặt khác, vì đây là một thủ tục hoàn toàn mới cùng với việc chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể, các thẩm phán giải quyết vụ án còn e dè, cũng là một lý do khiến thủ tục rút gọn ít được họ lựa chọn. Một vấn đề khác là thẩm phán vẫn đang chịu nhiều áp lực về thi đua bảo đảm số lượng, chất lượng xét xử, tỷ lệ án bị hủy, sửa...vv đã thúc đẩy họ chọn thủ tục thông thường để giải quyết các vụ án là chính.

Thái độ thiếu thiện chí từ phía các đương sự, cũng gây không ít khó khăn cho thẩm phán trong việc áp dụng thủ tục rút gọn. Và thực tế các quy định về thủ tục rút gọn hiện nay, còn có những nút thắt như đã nêu mà chưa được tháo gỡ, cũng làm cho việc áp dụng thủ tục rút gọn đối với các thẩm phán cũng trở nên khó khăn hơn. Chưa có cách hiểu cụ thể và cũng chưa có văn bản hướng dẫn, đang là vấn đề mà các quy định về áp dụng TTRG đang gặp phải. Cùng với đó, là những vụ án theo thủ tục rút gọn rất dễ bị chuyển hướng sang thủ tục thông thường mà không có quy định ngăn

chặn, nên các vụ án bị kéo dài về thời gian, tốn nhiều công sức, và chi phí của đương sự lẫn của Nhà nước. Thành ra đôi khi để chắc chắn, cả đương sự và Tòa án đều sẽ chọn thủ tục thông thường để giải quyết vụ án thay vì chọn TTRG như hiện nay.

Bên cạnh đó, thủ tục rút gọn vẫn còn nhiều cơ chế chưa được thực sự hợp lý. Ví dụ như, cơ chế khiếu nại, kiến nghị trong giải quyết vụ án dân sự theo TTRG, khi không thể khiếu nại, kiến nghị lần hai lên cơ quan có thẩm quyền cao hơn, mà chỉ dừng lại ở quyết định giải quyết khiếu nại, kiến nghị của Chánh án Tòa án tòa đang giải quyết vụ án mà thôi. Có thể thấy, đó chính là những bất cập mà thủ tục rút gọn hiện đang cần được điều chỉnh, hoàn thiện để nó có thể được lựa chọn áp dụng phổ biến hơn.

Tác giả nhận thấy vẫn cần thiết duy trì Chương XVIII của BLTTDS 2015, nhưng cần sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện nó để tạo ra khuôn khổ pháp lý đầy đủ, ổn định và có tính khả thi cao. Ngoài ra, cần quy định trong Chương XVIII các điều kiện áp dụng TTRG, các giải pháp ngăn chặn, hạn chế và loại trừ việc tùy tiện chuyển trở lại từ TTRG về thủ tục thông thường một cách chặt chẽ. Đối với thẩm phán thì, cần tích cực áp dụng TTRG khi hội đủ điều kiện luật quy định, góp phần phát huy tác dụng của chế định này trong thực tiễn, khắc phục tâm lý ngại khó, và áp lực thời gian thực hiện tố tụng. Chương 3 của khóa luận đưa ra những kiến nghị, đề xuất bổ sung và hoàn thiện các quy định về điều kiện áp dụng TTRG, cũng như các quy định về quyền khiếu nại, kiến nghị trong TTRG có tính thực tế và khả thi.